

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- Cục Điện lực - Bộ Công Thương;
- Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

Thực hiện quy định của Bộ Công Thương tại Thông tư số 05/2025/TT-BCT ban hành ngày 01/02/2025 về việc “Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng”, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia kính báo cáo Cục Điện lực, Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia tình hình vận hành lưới điện truyền tải tháng 04 năm 2026 tại phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Như trên;
- EVN (đề báo cáo);
- HĐTV (đề báo cáo);
- TGD (đề báo cáo);
- PTGD Hoàng Xuân Khôi;
- Các ban: KH, ĐTXD;
- PTC1, 2, 3, 4;
- Lưu: VT, KTAT.



Lưu Việt Tiến

PHỤ LỤC

TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI THÁNG 04/2026

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

Trong tháng 04/2026, lưới điện truyền tải vận hành an toàn, tin cậy và đảm bảo cung cấp điện. Lưới điện truyền tải xảy ra 5 sự cố (04 sự cố lưới 500kV, 01 sự cố lưới điện 220kV), tăng 02 sự cố so với tháng 03/2026. Trong đó, có 03 sự cố do sét và 02 sự cố chưa xác định nguyên nhân.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHUẨN VẬN HÀNH

1. Vận hành tần số

Trong tháng 04/2026, lưới điện truyền tải không xảy ra sự cố ảnh hưởng đến tần số hệ thống.

2. Vận hành điện áp

Trong tháng 04/2026 điện áp lưới 500kV và 220kV cơ bản đảm vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao như sau:

Lưới điện 500kV xuất hiện điện áp cao tại 5 trạm biến áp (TBA) giảm 2 TBA so với tháng 3/2026: (i) khu vực miền Bắc xuất hiện tại 3 TBA 500kV Thanh Hóa, Lào Cai, Vĩnh Yên, điện áp cao nhất 533,0 kV tại TBA 500kV Vĩnh Yên lúc 09h00' ngày 30/4/2026; (ii) khu vực miền Trung điện áp vận hành trong giới hạn cho phép; (iii) khu vực miền Nam xuất hiện tại 2 TBA 500kV Chơn Thành, Phú Mỹ, điện áp cao nhất 527,5 kV tại TBA Chơn Thành lúc 07h00' ngày 30/4/2026.

Lưới điện 220kV cơ bản vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao tại 4 TBA (tăng 2 TBA so với tháng trước) trong đó: (i) khu vực miền Bắc xuất hiện tại 4 TBA 500kV Lào Cai, TBA 220kV Yên Bái, Lào Cai, Thái Nguyên, điện áp cao nhất 246,6 kV lúc 01h00 ngày 24/4/2026 tại TBA 220kV Thái Nguyên; (ii) khu vực miền Trung, miền Nam điện áp vận hành trong giới hạn cho phép.

Hiện EVNNPT đang triển khai các dự án để đảm bảo vận hành điện áp:

(i) Dự án lắp kháng bù ngang 500kV để tối ưu dung lượng bù sau khi có đường dây 500kV mạch 3 (hiện đã hoàn thành đóng điện 7/9 kháng của dự án), tiến độ hoàn thành toàn bộ dự án đầu năm 2027.

(ii) Dự án lắp 900MVar tụ bù ngang lưới điện miền Bắc, đã đóng điện 14/18 giàn tụ bù tương đương 700/900 MVar trước 30/4/2026. Hiện tại 2 giàn tụ bù TBA 220kV Sầm Sơn, Hải Hậu chưa hoàn thành do cần đồng bộ tiến độ dự án TBA; giàn tụ bù TBA 220kV Yên Thủy đã lắp đặt xong đủ điều kiện đóng điện tuy nhiên đơn vị điều độ chưa đóng điện vì đánh giá điện áp cao; giàn tụ bù TBA 220kV Bá Thiện phụ thuộc cắt điện thanh cái C12 để đấu nối DCL T101-2 do liên quan đến mua điện Trung Quốc (kế hoạch cắt điện 16/5/2026 cắt điện, 18/5/2026 hoàn thành đóng điện).

3. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu độ tin cậy lưới điện truyền tải (SAIDI-T; SAIDI-T sự cố; SAIFI-T) tháng 04/2026 trong bảng sau:

STT	Đơn vị	Tháng 04	Lũy kế	Kế hoạch năm	Thực hiện kế hoạch (%)
1. SAIDI-T công tác (phút)					
1	EVNNPT	20	100.00	776	12.9
2	PTC1	21	91.00	776	11.7
3	PTC2	24	89.00	776	11.5
4	PTC3	21	54.00	776	7.0
5	PTC4	16	128.00	776	16.5
2. SAIDI-T sự cố (phút)					
1	EVNNPT	0.00	1.19	13.12	9.1
2	PTC1	0.00	0.04	13.12	0.3
3	PTC2	0.00	0.00	13.12	0.0
4	PTC3	0.00	10.33	13.12	78.7
5	PTC4	0.00	0.00	13.12	0.0
3. SAIFI-T (lần)					
1	EVNNPT	0.03	0.14	0.88	15.9
2	PTC1	0.03	0.11	0.88	12.5
3	PTC2	0.05	0.28	0.88	31.8
4	PTC3	0.03	0.16	0.88	18.2
5	PTC4	0.03	0.15	0.88	17.0

4. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải của lưới điện truyền tải

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện tháng 4/2026 là 2,22% (0,557 tỷ kWh) tăng 0,02% so với cùng kỳ 2025 (2,20%), thấp hơn 0,18% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 1,99% (0,257 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 46,2%) tăng 0,13% so với cùng kỳ 2025 (1,86%), tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,11% (0,300 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 53,8%) giảm 0,02% so với cùng kỳ 2025 (1,13%).

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện năm 2026 là 2,31% (2,031 tỷ kWh), tăng 0,01% so với cùng kỳ 2025 (2,30%), thấp hơn 0,09% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 2,06% (0,943 tỷ kWh chiếm tỷ trọng 46,4%) tăng 0,13% so với cùng kỳ 2025 (1,93%), tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,12% (1,088 tỷ kWh chiếm tỷ trọng 53,6%) giảm 0,02% so với cùng kỳ 2025 (1,14%).

III. TÌNH HÌNH QUÁ TẢI, SỰ CỐ THIẾT BỊ VÀ NGUYÊN NHÂN, ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐẢM BẢO VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN AN TOÀN, TIN CẬY VÀ HIỆU QUẢ

1. Tình hình vận hành mang tải

Cấp điện áp	Thiết bị	Tổng số mạch ĐD/MBA	Khu vực	Số mạch ĐD, số MBA/thời gian đầy, quá tải			
				(số thiết bị/giờ)			
				>90-100%	>100-110%	>110%	Tổng
500kV	Đường dây	41	Miền Bắc	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
		40	Miền Trung	1/1.4	0/0.0	0/0.0	1/1.4
		46	Miền Nam	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
	MBA	31	Miền Bắc	3/8.0	0/0.0	0/0.0	3/8.0
		19	Miền Trung	1/6.0	0/0.0	0/0.0	1/6.0
		23	Miền Nam	1/27.0	0/0.0	0/0.0	1/27.0
220kV	Đường dây	223	Miền Bắc	11/153.0	1/3.0	0/0.0	11/156.0
		154	Miền Trung	4/63.0	0/0.0	0/0.0	4/63.0
		184	Miền Nam	6/30.0	1/1.0	0/0.0	6/31.0
	MBA	168	Miền Bắc	17/279.0	0/0.0	0/0.0	17/279.0
		78	Miền Trung	3/18.0	0/0.0	0/0.0	3/18.0
		122	Miền Nam	26/292.0	1/5.0	0/0.0	26/297.0

a) Khu vực miền Bắc

• **Lưới điện 500kV**

Đường dây:

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp:

- MBA vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

• **Lưới điện 220kV**

Đường dây:

- 11/223 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: 281 T500 Lào Cai - 272 Bảo Thắng; 272 T500 Việt Trì - 272 Việt Trì; T500 Hiệp Hoà - Phú Bình 2 mạch; 273 T500 Quảng Ninh - 272 Hoàn Bô; T500 Phố Nối - Gia Lộc 2 mạch; 278 T500 Thường Tín - 274 Kim Động; 285 Phả Lại - 273, 274 Bắc Giang; Hưng Đông - Hà Tĩnh 2 mạch do nguồn điện phát cao và phụ tải cao.

- 01/223 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): 275 Hưng Đông - 275 Hà Tĩnh.

Máy biến áp

- 17/168 MBA vận hành tải cao trên 80% và cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT2, AT3 Bắc Ninh 2; AT2 Bắc Ninh; AT2 Bảo Thắng; AT5 Chèm; AT1 Nghĩa Lộ; AT1 Ninh Bình; AT1 Quang Châu; AT1 Thái Bình; AT4, AT5 Thành Công; AT1, AT2 Thanh Nghị; AT2 Tuyên Quang; AT4 Thường Tín; AT4, AT5 Bá Thiện do phụ tải cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

b) Khu vực miền Trung:

- Lưới điện 500kV

Đường dây

- 01/40 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): 574 Pleiku 2 - 572 Chơn Thành.

Máy biến áp

- 01/19 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức): AT1 Vĩnh Tân.

- Lưới điện 220kV

Đường dây

- 4/154 ĐD thường xuyên vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: (i) lưới PTC2 không xuất hiện; (ii) lưới PTC3 gồm các ĐD do NLTT và các nhà máy thủy điện phát cao như 271 Quy Nhơn - 271 Tuy Hòa; 272 Đức Trọng - 276 Di Linh; 273 T220 Vân Phong - 272 Nha Trang; 273 Hàm Thuận - 272 Phan Thiết.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 03/78 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT1 Ninh Phước; AT1, AT2 Tam Kỳ.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

c) Khu vực miền Nam:

- Lưới điện 500kV

Đường dây

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 01/122 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT2 Duyên Hải.

- Lưới điện 220kV

Đường dây

- 6/184 ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: Long Thành - Phú Mỹ 2 mạch; Mỹ Tho 500 - Cai Lậy 2 mạch; NMĐ Đá Bạc (271) - Châu Đức (274); Thuận An (275) - Hóc Môn (272) do tải cao.

- 01/184 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): Long Thành (278) - Phú Mỹ (253,284).

Máy biến áp

- 26/122 MBA vận hành tải mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT2 An Phước; AT2 Bến Lức; AT2 Cần Đước; AT1, AT2 Cao Lãnh; AT2 Giá Rai; AT1, AT2 Hóc Môn; AT1, AT3 Long Bình; AT2 Long Thành; AT2, AT3 Nhà Bè; AT1 Rạch Giá; AT1, AT2 Tao Đàn; AT1, AT2 Uyên Hưng; AT5 Cầu Bông; AT3, AT4, AT7 Phú Lâm; AT3, AT4 Sông Mỹ; AT3, AT4 Tân Định do tải cao.

- 01/122 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% - 110%) định mức: AT1 Uyên Hưng.

Để đảm bảo vận hành, EVNNPT đang triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án nâng cấp, cải tạo theo kế hoạch giao để giảm vận hành đầy quá tải theo kế hoạch EVN giao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vận hành hệ thống điện để báo cáo, đề xuất các giải pháp về phương thức vận hành để hạn chế đầy tải, quá tải.

2. Sự cố thiết bị

Trong tháng 04/2026, lưới điện truyền tải do EVNNPT quản lý vận hành không xảy ra sự cố hư hỏng thiết bị.

IV. CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN

1. Thống kê tình trạng quá tải của các thiết bị trên lưới

a. PTC1

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	275 Hưng Đông - 275 T500 Hà Tĩnh	19/4/2026	100.17	1.00
2	275 Hưng Đông - 275 T500 Hà Tĩnh	19/4/2026	101.10	1.00
3	275 Hưng Đông - 275 T500 Hà Tĩnh	19/4/2026	105.74	1.00

b. PTC2

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

c. PTC3

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

d. PTC4

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Uyên Hưng	AT1	01/04/26 15:00	101.01	1
2	Uyên Hưng	AT1	02/04/26 14:00	101.01	1
3	Uyên Hưng	AT1	13/04/26 13:00	106.61	1
4	Uyên Hưng	AT1	15/04/26 07:00	101.01	1
5	Uyên Hưng	AT1	15/04/26 12:00	102.88	1

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	220kV Long Thành (278) - Phú Mỹ (253,284)	02/4/2026 14:00	102.02	1

2. Thống kê tình hình cắt điện trong lưới điện truyền tải

a. PTC1

STT	Tên thiết bị, ĐD	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc		Theo KH	Không theo KH
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Tách MBA AT2, MC576, MC577, MC232 T500 Nho Quan	15/04	6.0	15/04	20.0	x	
2	Tách ĐD 571 Nho Quan - 584 T500 Nghi Sơn; MC 571, 572, T500 Nho Quan; MC 584, 564 T500 Nghi Sơn	04/04	5.00	05/04	18.00	x	
3	Tách ĐD 573 T500 Nghi Sơn - 580 Hà Tĩnh; MC 580, 581 T500 Hà Tĩnh; MC 563, 573 T500 Nghi Sơn	11/04	5.00	12/04	18.00	x	

4	Tách ĐD 582 Hà Tĩnh - 572 T500 Nghi Sơn; MC 581, 582 T500 Hà Tĩnh; MC 562, 572 T500 Nghi Sơn	18/04	5.00	19/04	18.00	x	
5	Tách ĐD 571 Hà Tĩnh - 571 Vũng Áng; MC 571, 572 T500 Hà Tĩnh; MC 571, 561 T500 Vũng Áng	24/04	5.00	27/04	18.00	x	
6	Tách ĐD 500 kV 581,582 Nho Quan (T500NQ) - 573 Thường Tín (T500TT).	25/04	5.00	25/04	19.00	x	
7	Tách ĐD 571 Quảng Ninh - 571 NĐ Mông Dương; MC 571; 561 T500 Quảng Ninh	06/04	5.00	06/04	16.00	x	
8	Tách MBA AT1; MC 530; 531; 231; 341 T500 Sơn La	01/04	0.00	01/04	22.00	x	
9	Tách ĐD 572 Sơn La - 575 Việt Trì; MC 572; 573; K502 T500 Sơn La; MC 573; 574; K505 T500 Việt Trì;	05/04	5.00	05/04	17.00	x	
10	Tách ĐD 573 TĐ Sơn La - 579 Sơn La; MC 579; 580 T500 Sơn La	06/04	5.00	06/04	17.00	x	
11	Tách ĐD 571 Sơn La - 572 Lai Châu; MC 571; 572; K502; KH502 T500 Lai Châu; MC 571; 572; KH501 T500 Sơn La	09/04	5.00	10/04	18.00	x	
12	Tách MC 279, ĐD 279 E1.4 (220kV Hà Đông) - 276 A100 Hòa Bình	02/04	7.00	02/04	20.00	x	
13	Tách MBA T6, MC136, MC436; E1.4 220kV Hà Đông	10/04	22.00	12/04	8.00	x	
14	Tách MBA T2, MC132, MC332; E1.4 220kV Hà Đông	11/04	22.00	12/04	8.00	x	
15	Tách MBA AT3, MC 233, MC 133 E1.4 (220kV Hà Đông)	17/04	20.00	19/04	8.00	x	
16	Tách MBA AT4, MC 234, MC 134, 434 E1.4 (220kV Hà Đông)	20/04	20.00	22/04	8.00	x	
17	Tách MBA AT5, MC 235, MC 135 E1.4 (220kV Hà Đông)	25/04	7.00	26/04	22.00	x	
18	Tách MBA T1 (MC 131 đóng vào TC C12, MC 331 đóng vào TC C31) E1.4 (220kV Hà Đông)	28/04	7.00	28/04	18.00	x	
19	Tách MBA AT4 E1.11 (220kV Thành Công)	10/04	0.01	13/04	24.00	x	
20	Cô lập MBA AT2, MC 272, 274, 132, 432 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	19/04	7.00	19/04	15.00	x	
21	Tách MBA AT6, MC 236, 136 E1.3 (220kV Mai Động)	01/04	6.00	01/04	22.00	x	

22	Tách ĐD 274 T500 Thường Tín - 273 E1.3 (220kV Mai Động), MC 273 E1.3 (220kV Mai Động) 274T500TT	03/04	8.30	03/04	18.00	x	
23	Tách ĐD 273 T500 Thường Tín - 274 E1.3 (220kV Mai Động), MC 274 E1.3 (220kV Mai Động), 273 T500TT	04/04	8.30	04/04	18.00	x	
24	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131 E1.6 220kV Chèm; TC C29, TU C29 E1.6 220kV Chèm	07/04	22.00	09/04	9.00	x	
25	Tách MBA AT2, MC 232, MC 132 E1.6 220kV Chèm	16/04	22.00	18/04	9.00	x	
26	Cắt MC 175, tách ĐD 175 E1.6 (220kV Chèm) - 171 E1.40 (220kV Tây Hồ).	10/04	0.00	10/04	6.00	x	
27	Cắt MC 176, tách ĐD 176 E1.6 (220kV Chèm) - 172 E1.40 (220kV Tây Hồ).	08/04	0.00	08/04	6.00	x	
28	Cắt MC 180, tách ĐD 180 E1.6 (220kV Chèm) - 172 E1.27 (KĐT Nam Thăng Long).	09/04	0.00	09/04	6.00	x	
29	Cắt MC 182, tách ĐD 182 E1.6 (220kV Chèm) - 171 E1.31 (Trôi).	10/04	0.00	10/04	6.00	x	
30	Tách ĐD 172 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2) - 172 E27.26 (Hoàn Sơn) và MC 172 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	02/04	9.00	02/04	17.00	x	
31	Tách ĐD 173 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2) - 171 E27.19 (Hanaka) và MC 173 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	03/04	9.00	03/04	17.00	x	
32	Tách ĐD 220kV 271 Thường Tín (T500TT) - 273,274 Yên Mỹ (E28.15)	04/04	5.00	04/04	17.00	x	
33	Tách ĐD 220kV 271,272 Vĩnh Yên (E25.2) – 275 Sóc Sơn (E1.19)	05/04	5.00	05/04	17.00	x	
34	Tách ĐD 220kV 272 Long Biên (E1.45) - 272 Bắc Ninh 2 (E27.10)	11/04	5.00	11/04	17.00	x	
35	Tách ĐD 271 Hà Đông (E1.4) - 271 Thành Công (E1.11)	13/04	22.00	16/04	6.00	x	
36	Tách ĐD 271 Tây Hà Nội (T500THN) - 272 Thành Công (E1.11); đêm cắt, sáng trả	20/04	22.00	23/04	6.00	x	
37	Tách ĐD 271 E11.15-274 A11.10, MC 271, tách lần lượt TC C21, C22, MC 212 E11.15 (220kV Thái Thụy)	07/04	7.00	07/04	22.00	x	
38	Tách ĐD 272 E11.15-284 A11.10, MC 272, tách lần lượt TC C21, C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	08/04	7.00	08/04	22.00	x	
39	Tách ĐD 171 E11.15- 174 E11.2, MC 171, tách lần lượt TC C11, C12,	09/04	7.00	09/04	22.00	x	

	MC112 E11.15 (220kV Thái Thụy)						
40	Tách ĐD 172 E11.15- 172 E11.9, MC 172, tách lần lượt TC C11, C12, E11.15 (220kV Thái Thụy)	10/04	7.00	10/04	22.00	x	
41	Tách ĐD 173 E11.15- 171 E11.12, MC 173, tách lần lượt TC C11, C12, E11.15 (220kV Thái Thụy)	11/04	7.00	11/04	22.00	x	
42	Tách ĐD 174 E11.15- 171 E11.2, MC 174, tách lần lượt TC C11, C12, E11.15 (220kV Thái Thụy)	13/04	7.00	13/04	22.00	x	
43	Tách ĐD 175 E11.15- 172 E11.14, MC 175, tách lần lượt TC C11, C12, E11.15 (220kV Thái Thụy)	14/04	7.00	14/04	22.00	x	
44	Tách ĐD 176 E11.15- 172 E11.17, MC 176, tách lần lượt TC C11, C12, E11.15 (220kV Thái Thụy)	15/04	7.00	15/04	22.00	x	
45	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131, 431, TC C21, TC C11, E11.15 (220kV Thái Thụy)	18/04	7.00	18/04	22.00	x	
46	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131, 431, TC C22, TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	19/04	7.00	19/04	22.00	x	
47	Tách MBA AT2, MC 232, MC 132 E24.4 (220kV Phú Lý)	26/04	7.00	26/04	17.00	x	
48	Tách MBA AT2, MC232, MC132, MC432, , tách TC C22; TC C12, TC C19 E11.20 (220kV Vũ Thư)	04/02	6.00	04/02	24.00	x	
49	Tách MBA AT2 MC232, MC132, TC C11, C21 E3.20 (220kV Trực Ninh)	18/04	6.00	18/04	17.00	x	
50	Tách ĐD 271, 272 E3.7 (220kV Nam Định) - 272 E3.20 (220kV Trực Ninh)	17/04	5.00	18/04	20.00	x	
51	Tách ĐD 273 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 271 E3.20 (220kV Trực Ninh)	19/04	5.00	20/04	20.00	x	
52	Tách MBA AT2, MC232, MC132, 432 E11.1 (220kV Thái Bình)	01/04	6.00	06/04	4.00	x	
53	Tách ĐD 271 E11.1 (Thái Bình) - 273 E11.20 (Vũ Thư); MC271, MC200, TC C29 E11.1:	10/04	6.00	11/04	6.00	x	
54	Tách MBA AT1, MC231, MC131, 431 E11.1 (220kV Thái Bình)	14/04	6.00	19/04	4.00	x	
55	Tách ĐD 273 E11.1 (Thái Bình) - 274 E28.20 (Phổ Cao); MC273, MC200, Thanh cái C29 E11.1 (220kV Thái Bình)	24/04	6.00	25/04	6.00	x	
56	Tách ĐD 171 E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn) - 172E9.28 (110kV Luyện Kim 1), MC 171 E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn)	01/04	7.00	01/04	16.00	x	

57	Tách ĐD 172 E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn) - 171E9.28 (110kV Luyện Kim 1), MC 172 E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn)	02/04	7.00	02/04	16.00	x	
58	Tách MBA AT1, 231, 131, 431E9.10 (220kV Nghi Sơn)	14/04	7.00	14/04	23.00	x	
59	Tách ĐD 176 E9.50 (220kV Nông Công) - 172E9.8 (110kV Nông Công), MC 176 E9.50 (220kV Nông Công)	03/04	7.00	03/04	16.00	x	
60	Tách ĐD 271 T500THO (500kV Thanh Hóa) -276E9.2 (220kVBa Chè), MC 271 T500THO (500kV Thanh Hóa), MC 276 E9.2 (220kVBa Chè)	11/04	7.00	11/04	16.00	x	
61	Tách MBA T1 MC: 131, 431, 331, 312, 412 E15.1 (220kV Hưng Đông)	03/04	6.00	03/04	18.00	x	
62	Tách ĐD 273 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 281 E15.10 (Đô lương); MC 273 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	03/04	6.00	03/04	20.00	x	
63	Tách ĐD 274 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 280 E15.10 (Đô lương); MC 274 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	06/04	6.00	06/04	20.00	x	
64	Tách ĐD 171 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 171 E15.58 (Nghi Lộc); MC 171 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	08/04	6.00	08/04	20.00	x	
65	Tách ĐD 172 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 171 E15.13 (Diễn Châu); MC 171 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	09/04	6.00	09/04	20.00	x	
66	Tách ĐD 173 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 172 E15.56 (T110kV Nam Cẩm); MC 173 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	14/04	6.00	14/04	20.00	x	
67	Tách ĐD 174 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 172 E15.33 (Nghi Thiết); MC 174 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	15/04	6.00	15/04	20.00	x	
68	Tách ĐD 175 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 172 E15.51 (KCN WHA); MC 175 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	16/04	6.00	16/04	20.00	x	
69	Tách ĐD 176 E15.50 (220kV Nam Cẩm) - 171 E15.51 (KCN WHA); MC 176 E15.50 (220kV Nam Cẩm)	17/04	6.00	17/04	20.00	x	
70	Tách MBA AT4, TD44 (tách MC 234, 134, 434), tách C29, C19 trạm 500kV Hà Tĩnh	05/04	6.00	05/04	20.00	x	
71	Tách ĐD 220kV 272 Vũng Áng (A18.10) - 278 T500 Hà Tĩnh, MC 278 T500HT	13/04	6.00	14/04	18.00	x	
72	Tách ĐD 274 T500 Hà Tĩnh - 273 NĐ Formosa (A18.15), MC 274 T500HT	17/04	6.00	17/04	18.00	x	
73	Tách ĐD 275 Hưng Đông (E15.1) - 275 Hà Tĩnh (T500HT), MC 275 Hưng Đông (E15.1), 275 Hà Tĩnh (T500HT)	18/04	5.00	18/04	18.00	x	
74	Tách ĐD 274 Hưng Đông (E15.1) - 276 T500 Hà Tĩnh, MC 274 Hưng	19/04	5.00	19/04	18.00	x	

	Đông (E15.1), 276 T500 Hà Tĩnh						
75	Tách ĐD 274 Quảng Ninh – 273 NĐ A5.20 (NĐ Cẩm Phả); MC 274 T500QN (Sáng tách chiều trả)	07/04	5.00	08/04	17.00	x	
76	Tách ĐD 275 Quảng Ninh – 272 NĐ A5.20 (NĐ Cẩm Phả); MC 275 T500QN (Sáng tách chiều trả)	09/04	5.00	10/04	17.00	x	
77	Tách ĐD 273 A5.25 (NĐ Mạo Khê) - 274 E8.20 (220kV Hải Dương 2); MC 274 E8.20 (Sáng tách chiều trả)	14/04	5.00	15/04	17.00	x	
78	Tách ĐD 274 A5.25 (NĐ Mạo Khê) - 273 E8.20 (220kV Hải Dương 2); MC 273 E8.20 (Sáng tách chiều trả)	16/04	5.00	17/04	17.00	x	
79	Tách ĐD 273 A80 (NĐ Phả Lại) - 283 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 283; 253 E8.30 (Sáng tách chiều trả)	21/04	5.00	22/04	17.00	x	
80	Tách ĐD 274 A80 (NĐ Phả Lại) - 284 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 284; 254 E8.30 (Sáng tách chiều trả)	23/04	5.00	24/04	17.00	x	
81	Tách MBA T5; MC 135; 435 E2.40 (220kV Dương Kinh)	15/04	5.00	15/04	22.00	x	
82	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	04/04	5.00	05/04	17.00	x	
83	Tách ĐD 271 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 272 E6.20 (220kV Lưu Xá); MC 2 đầu ĐD	05/04	0.00	05/04	2.00	x	
84	Tách ĐD 272 T500 Đông Anh - 271 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3); MC 2 đầu ĐD	07/04	5.00	07/04	16.00	x	
85	Tách ĐD 278 T500 Hiệp Hòa - 272 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3); MC 2 đầu ĐD	08/04	5.00	08/04	16.00	x	
86	Tách ĐD 277 T500 Hiệp Hòa - 271 T500 Đông Anh; MC 2 đầu ĐD	09/04	5.00	09/04	16.00	x	
87	Tách ĐD 279 T500 Hiệp Hòa - 271 E7.15 (220kV Quang Châu); MC 2 đầu ĐD	10/04	5.00	10/04	16.00	x	
88	Tách ĐD 273 E16.5 (220kV Bảo Lâm) - 272 E16.2 (220kV Cao Bằng); MC 2 đầu ĐD	11/04	5.00	11/04	15.00	x	
89	Tách ĐD 271;272 A22.30 (TĐ Nho Quế 3) - 271 E16.2 (220kV Cao Bằng); MC 271 E16.2 (220kV Cao Bằng)	12/04	5.00	12/04	15.00	x	
90	Tách ĐD 271 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 273 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	12/04	5.00	12/04	15.00	x	

91	Tách ĐD 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) – 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 2 đầu ĐD	12/04	5.00	12/04	15.00	x	
92	Tách ĐD 274 E22.4 (220kV Hà Giang) - 272 A22.33 (TĐ Bắc Mê); MC 274 E22.4 (220kV Hà Giang)	19/04	0.00	19/04	15.00	x	
93	Tách ĐD 271 A22.33 (TĐ Bắc Mê) - 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	20/04	5.00	20/04	16.00	x	
94	Tách ĐD 271 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 272 E6.20 (220kV Lưu Xá); MC 2 đầu ĐD	26/04	5.00	26/04	16.00	x	
95	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132 E22.4 (220kV Hà Giang)	04/04	6.00	04/04	17.00	x	
96	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E22.4 (220kV Hà Giang)	05/04	0.00	05/04	22.00	x	
97	Tách MBA T3; MC 133; MC 433 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	04/04	6.00	04/04	16.00	x	
98	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E7.15 (220kV Quang Châu)	05/04	6.00	05/04	16.00	x	
99	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 331 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	15/04	6.00	15/04	16.00	x	
100	Tách MBA AT4; ngăn lộ 234; 134; 434 T500HH (500kV Hiệp Hòa)	15/04	6.00	15/04	16.00	x	
101	Tách ĐD 173 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 172 E27.27 (110kV Yên Phong 4); MC 173 T500HH	07/04	5.00	07/04	16.00	x	
102	Tách ĐD 171 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 172 E6.4 (110kV Thịnh Đán); ngăn lộ 171; TC C19 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	08/04	5.00	08/04	16.00	x	
103	Tách ĐD 175 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 172 A60 (NĐ. Cao Ngạn); ngăn lộ 175; TC C19 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	09/04	5.00	09/04	16.00	x	
104	Tách ĐD 176 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 A60 (NĐ. Cao Ngạn); ngăn lộ 176; TC C19 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	10/04	5.00	10/04	16.00	x	
105	Tách ĐD 174 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 171 E16.1 (110kV Cao Bằng); ngăn lộ 174 E16.2 (220kV Cao Bằng).	10/04	5.00	10/04	16.00	x	
106	Tách ĐD 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.11 (110kV Quán Triều); ngăn lộ 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	11/04	5.00	11/04	16.00	x	
107	Tách ĐD 174 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.16 (110kV Phú Lương); ngăn lộ 174 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	12/04	5.00	12/04	16.00	x	

	Nguyên)						
108	Tách ĐD 177 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.8 (XM. Thái Nguyên); ngăn lộ 177 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	13/04	5.00	13/04	16.00	x	
109	Tách ĐD 178 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 172 E6.8 (XM. Thái Nguyên); ngăn lộ 178 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	14/04	5.00	14/04	16.00	x	
110	Tách ĐD 172 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 172 E6.7 (110kV Sông Công); ngăn lộ 172 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	15/04	5.00	15/04	16.00	x	
111	Tách ĐD 172 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 171 E7.1 (110kV Đồi Cốc); Ngăn lộ 172 E7.6 (220kV Bắc Giang)	16/04	5.00	16/04	16.00	x	
112	Tách ĐD 173 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 172 E7.1 (110kV Đồi Cốc); Ngăn lộ 173 E7.6 (220kV Bắc Giang)	17/04	5.00	17/04	16.00	x	
113	Tách ĐD 175 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 172 E7.12 (110kV Song Khê); Ngăn lộ 175 E7.6 (220kV Bắc Giang)	18/04	5.00	18/04	16.00	x	
114	Tách ĐD 173 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 172 E6.21 (110kV Sông Công 2); ngăn lộ 173 E6.20 (220kV Lưu Xá)	19/04	5.00	19/04	16.00	x	
115	Tách ĐD 174 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 172 E6.5 (110kV Lưu Xá); ngăn lộ 174 E6.20 (220kV Lưu Xá)	20/04	5.00	20/04	16.00	x	
116	Tách ĐD 175 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 171 E6.4 (110kV Thịnh Đán); ngăn lộ 175 E6.20 (220kV Lưu Xá)	21/04	5.00	21/04	16.00	x	
117	Tách ĐD 176 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 172 A6.15 (ND. An Khánh); ngăn lộ 176 E6.20 (220kV Lưu Xá)	22/04	5.00	22/04	16.00	x	
118	Tách ĐD 176 E7.15 (220kV Quang Châu) - 172 E7.7 (110kV Đình Trám); MC 176 E7.15 (220kV Quang Châu)	23/04	5.00	23/04	16.00	x	
119	Tách ĐD 177 E7.15 (220kV Quang Châu) - 172 E7.18 (110kV Vân Trung); MC 177 E7.15 (220kV Quang Châu)	24/04	5.00	24/04	16.00	x	
120	Tách ĐD 178 E7.15 (220kV Quang Châu) - 174 E7.18 (110kV Vân Trung); MC 178 E7.15 (220kV Quang Châu)	25/04	5.00	25/04	16.00	x	
121	Tách ĐD 271; 272 A17.25 (TĐ Nậm Chiến 1) – 274 T500 Sơn La; MC 274 T500 Sơn La	11/04	5.00	11/04	17.00	x	
122	Tách ĐD 275 T500 Sơn La - 271; 272 E17.50 (220kV Mường La); MC 2 đầu ĐD	18/04	5.00	18/04	17.00	x	
123	Tách MBA AT1; TC C21; MC 271; 273; 131; 431 E29.5 (220kV Than Uyên). Tách lần lượt TC C11; C12 E29.5 (220kV Than Uyên)	05/04	6.00	05/04	18.00	x	

124	Tách MBA AT2; AT3; TC C22; MC 272; 274; 132 E29.5 (220kV Than Uyên). Tách lần lượt TC C11; C12 E29.5 (220kV Than Uyên)	12/04	6.00	12/04	18.00	x	
125	Tách ĐD 273 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 271; 272 E29.5 (220kV Than Uyên); MC 271; 272 E29.5 (220kV Than Uyên)	19/04	6.00	19/04	18.00	x	
126	Tách ĐD 272 A29.0 (TĐ Bản Chát) - 273 E29.5 (220kV Than Uyên); MC 273; 274 E29.5 (220kV Than Uyên)	26/04	6.00	26/04	18.00	x	
127	Cắt điện MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; TC C19; MC100 E29.20 (Mường Tè);	05/04	6.00	05/04	21.00	x	
128	Tách ĐD 173 E29.20 (220kV Mường Tè) - 172 A29.50 (TĐ Nậm Cùn 4); MC 173 E29.20	12/04	6.00	12/04	12.00	x	
129	Tách ĐD 174 E29.20 (220kV Mường Tè) - 171 A29.30 (TĐ Pắc Ma); MC 174 E29.20	12/04	12.00	12/04	18.00	x	
130	Tách ĐD 176 E29.20 (Mường Tè 220kV) - 171 A29.51 (TĐ Nậm Cầu 2); MC 176 E29.20	19/04	6.00	19/04	12.00	x	
131	Tách ĐD 177 E29.20 (220kV Mường Tè) - 171 A29.24 (TĐ Nậm Si Lường 4); MC 177 E29.20 (220kV Mường Tè)	19/04	12.00	19/04	18.00	x	
132	Tách ĐD 178 E29.20 (220kV Mường Tè) - 173 A29.56 (TĐ Nậm Xi Lũng 2A); MC 178 E29.20	26/04	6.00	26/04	12.00	x	
133	Tách ĐD 277 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273; 274 E22.40 (220kV Bắc Quang); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	02/04	5.00	03/04	17.00	x	
134	Tách ĐD 220kV 273 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 2 đầu ĐD; sáng tách chiều trả	07/04	5.00	08/04	17.00	x	
135	Tách ĐD 271 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 273 E14.6 (Tuyên Quang) (Sáng tách chiều trả)	15/04	5.00	17/04	17.00	x	
136	Tách ĐD 271; 274 E22.40 (220kV Bắc Quang) - 287 (267) T500 Lào Cai; MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	22/04	5.00	24/04	17.00	x	
137	Tách ĐD 172 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ) - 171 E12.2 Nghĩa Lộ; MC 172 E12.30	02/04	22.00	03/04	8.00	x	
138	Tách ĐD 272 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ) - 275 A29.10 Huội Quảng; MC 272 E12.30	03/04	22.00	05/04	10.00	x	
139	Tách ĐD 171 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ) - 173 A12.41 Chí Lư; MC 171 E12.30	04/04	22.00	05/04	10.00	x	

140	Tách MBA AT1 và ngăn lộ 231; 131; 431; TD41 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ)	05/04	18.00	06/04	8.00	x	
141	Tách ĐD 274 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	09/04	5.00	10/04	17.00	x	
142	Tách C11 và MBA AT2; 232; 132; 432 E12.3 (220kV Yên Bái)	19/04	6.00	19/04	18.00	x	
143	Tách MBA AT1; 231; 131; 431 E12.3 (220kV Yên Bái)	12/04	0.00	12/04	22.00	x	
144	Tách lần lượt TC C21; C22 và tách ĐD 273 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 271 A20.30 TĐ Bắc Hà; Tách MC 273 E20.23	14/04	6.00	14/04	17.00	x	
145	Tách ĐD 275 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 275 E20.3 (220kV Lào Cai); MC 2 đầu ĐD	16/04	6.00	16/04	16.00	x	
146	Tách lần lượt TC C21; C22 và tách MBA AT1; 231; 131; 431 E20.23 (220kV Bảo Thắng)	17/04	6.00	17/04	16.00	x	
147	Tách MBA AT2; 232; 132 E20.23 (220kV Bảo Thắng)	18/04	6.00	18/04	16.00	x	
148	Tách MBA AT1; 231; 131 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	22/04	6.00	22/04	16.00	x	
149	Tách ĐD 173 Sơn Tây E1.35 - 172 A1.60 NMĐ rac Seraphin; MC 173 E1.35 (220kV Sơn Tây)	04/04	7.00	04/04	17.00	x	
150	Tách ĐD 174 Sơn Tây E1.35 - 171 Phùng Xá E1.28; MC 174 E1.35 (220kV Sơn Tây)	05/04	7.00	05/04	17.00	x	
151	Tách ĐD 176 Sơn Tây E1.35 - 171 CNC2 E1.73; MC 176 E1.35 (220kV Sơn Tây)	06/04	7.00	06/04	17.00	x	
152	Tách ĐD 273 T500 Hiệp Hoà - 271 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	01/04	5.00	13/04	20.00	x	
153	Tách ĐD 274 T500 Hiệp Hoà - 272 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	08/04	5.00	10/04	20.00	x	
154	Tách ĐD 172 A40 (TĐ Thác Bà) - 171 E12.3 (220kV Yên Bái); MC 171 E12.3	21/04	7.00	23/04	7.00	x	
155	Tách ĐD 173 E12.3 (220kV Yên Bái) - 172 E12.23 Bảo Hưng; Tách MC 173 E12.3	01/04	5.00	01/04	23.00		x
156	Tách ĐD 274 E28.20 (220kV Phố Cao) - 273 E11.1 (220kV Thái Bình); MC 274 E28.20. Sáng cắt chiều trả.	01/04	6.00	02/04	17.00		x
157	Tách ĐD 182 E4.15 (220kV Phú Thọ) - 171 E4.14 Đoàn Hùng. Tách MC 182, MC 100 E4.15	01/04	06h00	01/04	13h00		x
158	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E16.2 (220kV Cao Bằng).	02/04	5.00	02/04	17.00		x

159	Tách ĐD 174 E5.8 (220kV Hoành Bồ) - 171 E5.26 (Cái Dăm); MC 100, 174 E5.8 (220kV Hoành Bồ)	02/04	7.00	03/04	7.00		x
160	Tách ĐD 271 T500 Việt Trì – 273 E4.4 Việt Trì (đi chung cột 4 mạch cùng phía với ĐD 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 Vĩnh Tường); (tách liên tục) MC 271 T500 Việt Trì và MC 273 E4.4	03/04	5.00	11/04	20.00		x
161	Tách ĐD ĐD 273 T500 Việt Trì – 272 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); (Tách liên tục); Tách MC 273 T500 Việt Trì và MC 272 E25.10	03/04	5.00	20/04	20.00		x
162	Tách ĐD 271 E28.10 (220kV Kim Động) - 271 E28.20 (220kV Phố Cao); Tách MC 02 đầu ĐD.	03/04	6.00	03/04	17.00		x
163	Tách ĐD 174 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 171 E25.9 (Khai Quang); MC 174 E25.2	03/04	19.00	06/04	6.00		x
164	Tách ĐD 271, 274 E22.40 (220kV Bắc Quang) - 287 T500 Lào Cai; MC 2 đầu ĐD	04/04	5.00	05/04	16.00		x
165	Tách ĐD 272 E28.10 (220kV Kim Động) - 272 E28.20 (220kV Phố Cao); MC 02 đầu.	04/04	6.00	04/04	17.00		x
166	Tách ĐD 275 E4.4 Việt Trì – 274 E4.15 Phú Thọ; MC 275 E4.4 và 274 E4.15	04/04	22.00	07/04	7.00		x
167	Tách MBA AT2; MC 232; 132 E7.6 (220kV Bắc Giang)	04/04	22.00	05/04	6.00		x
168	Tách MBA AT3, MC 233, 133. Tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên).	05/04	0.00	05/04	23.00		x
169	Tách MBA AT2, TC C22, MC 272, 274, 132. Tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên).	05/04	0.00	05/04	23.00		x
170	Tách ĐD 177 E29.5 (220kV Than Uyên) - 178 E29.2 (T110 Than Uyên); MC 177 E29.5; tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên).	05/04	0.00	05/04	23.00		x
171	Tách ĐD 272 T500 Việt Trì – 272 E4.4 (220kV Việt Trì) (giao chéo với ĐD 273 T500 Việt Trì – 272 Vĩnh Tường), MC 272 T500 Việt Trì và MC 272 E4.4	11/04	4.00	11/04	22.00		x
172	Tách ĐD 271 T500 Việt Trì – 273 E4.4 Việt Trì (đi chung cột 4 mạch cùng phía với ĐD 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 Vĩnh Tường); (Sáng tách, chiều trả); MC 271 T500 Việt Trì và MC 273 E4.4	12/04	5.00	20/04	17.00		x

173	Tách MBA AT3; MC 233; 133; 433 T500 Lai Châu	05/04	6.00	05/04	8.00		x
174	Tách 02 ĐD 275 E12.3 (220kV Yên Bái) - 271 E14.6 (220kV Tuyên Quang) và ĐD 276 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 2 đầu ĐD	04/04	5.00	08/04	17.00		x
175	Tách ĐD 171 E.4.4 (220kV Việt Trì) – 171 E4.18 (Việt Trì 2) và ngăn lộ 171, 100 E4.4 (220kV Việt Trì)	01/04	22.00	02/04	5.00		x
176	Tách ĐD 273 E4.4 Việt Trì – 271 T500VT Việt Trì; Tách MC 273 E4.4 và 271 T500 Việt Trì	08/04	10.00	11/04	22.00		x
177	Tách ĐD 273 Quảng Ninh – 272 E5.8 (220kV Hoàng Bồ), MC 200, 272 E5.8	03/04	15.00	04/04	7.00		x
178	Tách MBA AT1; MC 231, 131, 431 E2.9 (220kV Vật Cách).	06/04	0.00	06/04	5.00		x
179	Tách ĐD 178 E2.9 (220kV Vật Cách) – 172 E2.38 (KCN An Dương); MC 178 E2.9	06/04	1.00	06/04	4.00		x
180	Tách ĐD 278 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 277 E11.1 (220kV Thái Bình); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	06/04	6.00	08/04	17.00		x
181	Tách ĐD 280 A100 (TĐ Hoà Bình) - 271 E1.35 (220kV Sơn Tây); MC 271 E1.35 (220kV Sơn Tây)	07/04	5.00	07/04	17.00		x
182	Tách ĐD 176 E17.6 (220kV Sơn La) - 173 E17.2, MC 176 E17.6 (220kV Sơn La).	07/04	5.00	07/04	16.00		x
183	Cắt điện ĐD 273, 274 E17.50 (220kV Mường La) - 272 E17.6 (220kV Sơn La).	08/04	6.00	08/04	18.00		x
184	Tách ĐD 173 E5.8 (220kV Hoàng Bồ) - 171 E5.11 (Cái Lân), MC 100, 173 E5.8	09/04	7.00	10/04	7.00		x
185	Tách MBA AT2, ngăn lộ 132, 272, 274, 432 E25.2 (220kV Vĩnh Yên)	09/04	19.00	12/04	23.00		x
186	Tách ĐD 178 E1.35 (220kV Sơn Tây) - 172 E10.6 (Phúc Thọ); MC 178 E1.35 (220kV Sơn Tây)	10/04	6.00	10/04	17.00		x
187	Tách ĐD 177 E4.15 (220kV Phú Thọ) - 171 E4.23 Hạ Hòa. Tách MC 177, MC 100 E4.15	10/04	22.00	11/04	6.00		x
188	Tách ĐD 182 E4.15 (220kV Phú Thọ) - 171 E4.14 Đoan Hùng. Tách MC 182, MC 100 E4.15	11/04	22.00	12/04	6.00		x
189	Tách MBA AT1, TC C21, MC 271, 273, 131, 431 E29.5 (220kV Than Uyên). Tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên).	12/04	0.00	12/04	23.00		x
190	Tách ĐD 171 E29.5 (220kV Than Uyên) -173 A29.53 (NMTĐ Nậm Mít Luông), MC 171 E29.5 (220kV Than Uyên). Tách lần lượt TC C11, C12	12/04	0.00	12/04	23.00		x

	E29.5 (220kV Than Uyên).						
191	Tách MBA T5, ngăn lộ 135 E22.4 (220kV Hà Giang)	07/04	7.00	07/04	17.00		x
192	Tách ĐD 271 (272) A22.30 (TĐ Nho Quế 3) - 271 E16.2 (220kV Cao Bằng); 271 E16.2 (220kV Cao Bằng)	09/04	5.00	10/04	17.00		x
193	Tách ĐD 172 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 172 E25.1 (Phúc Yên); MC 172 E25.2	09/04	8.00	12/04	0.30		x
194	Tách ĐD 275 E5.9 (220kV Trảng Bạch) - 273 E2.9 (220kV Vật Cách); MC 2 đầu ĐD	13/04	5.00	13/04	17.00		x
195	Tách ĐD 272 Quảng Ninh - 271 E5.8 (220kV Hoành Bồ); MC 2 đầu ĐD	13/04	5.00	13/04	17.00		x
196	Tách ĐD 286 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 271 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 271 E2.20 (Sáng cắt chiều trả).	13/04	6.00	14/04	17.00		x
197	Tách ĐD 273 E5.9 (220kV Trảng Bạch) - 271, 272 E7.20 (220kV Sơn Động); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	14/04	5.00	15/04	17.00		x
198	Tách ĐD 285 A2.25 (NMNĐ Hải Phòng) - 272 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 272 E2.20 (Sáng cắt chiều trả).	15/04	6.00	16/04	17.00		x
199	Tách ĐD 220kV 273 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 271 E26.5 (220kV Bắc Kạn); ngăn lộ 2 đầu TBA	15/04	6.00	17/04	6.00		x
200	Tách ĐD 172 E5.41 (Yên Cư) - 171 E5.8 (220kV Hoành Bồ), MC 100, 171 E5.8	15/04	7.00	16/04	7.00		x
201	Tách ĐD 274 E5.8 (220kV Hoành Bồ) - 271 A7.10 (NĐ Sơn Động); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	16/04	5.00	17/04	17.00		x
202	Tách ĐD 172 E1.35 (220kV Sơn Tây) - 171 E1.7 (Sơn Tây); MC 172 E1.35 (220kV Sơn Tây)	16/04	7.00	16/04	16.00		x
203	Tách ĐD 173 E1.35 (220kV Sơn Tây) - 171 E4.21 (Thanh Thủy); MC 173 E1.35 (220kV Sơn Tây)	17/04	7.00	17/04	17.00		x
204	Tách ĐD 220kV 274 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 272 E6.16 (220kV Phú Bình), ngăn lộ 2 đầu TBA	18/04	5.00	20/04	20.00		x
205	Tách ĐD 175 T500 Lai Châu - 171 E29.3 Lai Châu	18/04	6.00	18/04	12.00		x
206	Tách ĐD 176 T500 Lai Châu - 172 E29.3 Lai Châu	18/04	13.00	18/04	19.00		x
207	Tách ĐD 172 E29.5 (220kV Than Uyên) - 173 A29.36 NMTĐ Phiêng Lú, MC 172 và tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên)	19/04	0.00	19/04	23.00		x
208	Tách ĐD 173 E29.5 (220kV Than Uyên) - 173 A29.11 NMTĐ Hua Chăng, MC 173 và tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên).	19/04	0.00	19/04	23.00		x

209	Tách ĐD 174 E29.5 (220kV Than Uyên) - 172 A20.16 NMTĐ Năm Khóa 3, MC 174 và tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên)	19/04	0.00	19/04	23.00	x
210	Tách ĐD 172 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 171 E7.1 (110kV Đồi Cốc); ngăn lộ 172 E7.6 (220kV Bắc Giang)	19/04	5.00	19/04	16.00	x
211	Tách ĐD 220kV 271 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E14.6 (Tuyên Quang)	19/04	5.00	19/04	16.00	x
212	Tách ĐD 172 E17.6 (220kV Sơn La) - 172 A17.52 Mường Hung, MC 172 E17.6 (220kV Sơn La)	19/04	5.00	19/04	15.00	x
213	Tách MBA AT4, ngăn lộ 234, 134, 434 T500HH (500kV Hiệp Hòa)	19/04	6.00	19/04	16.00	x
214	Tách ĐD 172 E5.8 (220kV Hoàng Bồ) - 171 E5.43 (KCN Việt Hưng), MC 100, 172 E5.8 (220kV Hoàng Bồ)	19/04	7.00	20/04	7.00	x
215	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E7.15 (220kV Quang Châu)	19/04	22.00	20/04	6.00	x
216	Tách ĐD 274 E5.9 (220kV Trảng Bách) - 273 E5.8 (220kV Hoàng Bồ); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	21/04	5.00	22/04	17.00	x
217	Tách ĐD 177 T500 Quảng Ninh - 171-7 E5.17 (XM Ha Long) - 171 E5.14 (XM Thăng Long) - 175 E5.8 (220kV Hoàng Bồ), MC 100, 172 E5.8	23/04	7.00	24/04	7.00	x
218	Tách ĐD 173 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 172 E7.1 (110kV Đồi Cốc); ngăn lộ 173 E7.6 (220kV Bắc Giang)	26/04	5.00	26/04	16.00	x
219	Tách ĐD 275 Quảng Ninh – 272 NB A5.20 (NB Cẩm Phả); MC 275 T500 Quảng Ninh	13/04	5.00	13/04	17.00	x
220	Tách ĐD 171 E4.4 (220kV Việt Trì) – 171 E4.18 (Việt Trì 2), ngăn lộ 171, 100 E4.4 (220kV Việt Trì)	14/04	0.00	14/04	7.00	x
221	Tách MBA AT2; MC 232, 132, 932 E14.6 (220kV Tuyên Quang) (khi khôi phục MC 932 tách khỏi VH và đã tháo cáp 10kV đầu cực MBA AT2)	17/04	0.00	17/04	6.00	x
222	Tách MBA AT2 E2.9 (220kV Vật Cánh).	17/04	21.00	20/04	6.00	x
223	Tách ĐD 220kV 277 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E22.40 (220kV Bắc Quang); MC 2 đầu ĐD	19/04	5.00	19/04	17.00	x
224	Tách MBA AT1; MC 231, 131 E14.6 (220kV Tuyên Quang) (khi khôi phục đóng điện phía 22kV, MC 431 và khai thác từ dùng từ phía 22kV MBA AT1)	20/04	0.00	20/04	22.00	x
225	Tách MBA AT1, ngăn 231, 131, 431 E4.4 (220kV Việt Trì)	15/04	5.00	18/04	5.00	x

226	Tách 02 ĐD 275 E12.3 (220kV Yên Bái) - 271 E14.6 (220kV Tuyên Quang) và ĐD 276 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 2 đầu ĐD	17/04	5.00	21/04	17.00		x
227	Tách ĐD 286 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương) – 272 E8.35 (220kV Gia Lộc); MC 2 đầu ĐD. (Sáng cắt chiều trả).	20/04	6.00	22/04	17.00		x
228	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	21/04	0.00	21/04	7.00		x
229	Tách ĐD 273 T500 Hiệp Hoà - 271 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	21/04	5.00	05/05	20.00		x
230	Tách MBA AT1 E6.20 (220kV Lưu Xá)	22/04	5.00	22/04	15.00		x
231	Tách ĐD 271 E5.9 (220kV Trảng Bạch) - 275 NĐ A5.25 (NĐ Mạo Khê); MC 271 E5.9	22/04	5.00	22/04	17.00		x
232	Tách ĐD 275 Quảng Ninh – 272 NĐ A5.20 (NĐ Cẩm Phả); MC 275 T500QN	23/04	5.00	23/04	17.00		x
233	Tách ĐD 285 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương) – 271 E8.35 (220kV Gia Lộc); MC 2 đầu ĐD. (Sáng cắt chiều trả).	23/04	6.00	25/04	17.00		x
234	Tách ĐD 220kV 272 A14.0 (TĐ. Tuyên Quang) - 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn); ngắn lộ 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	24/04	5.00	24/04	17.00		x
235	Tách ĐD 220kV 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình), ngắn lộ 2 đầu TBA	25/04	5.00	26/04	17.00		x
236	Tách ĐD 274 T500 Hiệp Hoà - 272 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	25/04	5.00	27/04	20.00		x
237	Tách ĐD 275 E5.9 (220kV Trảng Bạch) – 273 E2.9 (220kV Vật Cánh); MC 2 đầu ĐD	25/04	5.00	25/04	17.00		x
238	Tách MBA T3 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	26/04	1.00	26/04	4.00		x
239	Tách ĐD 274 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 274 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 2 đầu ĐD	26/04	5.00	26/04	17.00		x
240	Tách 02 ĐD 232(252) A100 (TĐ Hoà Bình) - 280 T500 Tây Hà Nội; MC 280 T500THN và ĐD 240(260) A100 (TĐ Hoà Bình) - 281 T500 Tây Hà Nội; MC 281 T500THN	26/04	5.00	28/04	24.00		x
241	Tách MBA AT3; MC 233; 133; 433 T500 Lai Châu	26/04	7.00	26/04	9.00		x
242	Tách đồng thời ĐD 274 T500 Việt Trì - 273, 274 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) và ĐD 272 E1.35 (220kV Sơn Tây) - 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC 2	21/04	21.00	22/04	19.00		x

	đầu trạm						
243	Tách MBA AT1, ngăn lộ 271, 273, 131, 431 E25.2 (220kV Vĩnh Yên)	21/04	6.00	25/04	0.30		x
244	Tách MBA AT2; các ngăn 232, 132, 932 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	24/04	0.00	24/04	6.00		x
245	Tách MBA AT1; các ngăn 231, 131 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	27/04	0.00	27/04	23.59		x
246	Tách MBA AT2 E2.9 (220kV Vật Cách).	22/04	4.00	24/04	12.00		x
247	Tách ĐD 272 T500 Lai Châu – 272 E29.20 (220kV Mường Tè); MC 2 đầu ĐD	26/04	5.00	26/04	19.00		x
248	Tách ĐD 277 T500 Phố Nối - 273 E8.35 (220kV Gia Lộc); MC 277, TC C29 T500 Phố Nối.	28/04	14.00	28/04	20.00		x
249	Tách MBA AT2; MC 232, 132, 432 E28.1 (220kV Phố Nối).	28/04	22.00	29/04	5.00		x
250	Tách ĐD 278 T500 Phố Nối - 274 E8.35 (220kV Gia Lộc); MC 278, TC C29 T500 Phố Nối.	29/04	5.00	29/04	11.00		x
251	Tách ĐD 271 T500 Phố Nối - 274 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2); MC 271, TC C29 T500 Phố Nối.	29/04	12.00	29/04	17.00		x
252	Tách MBA AT1, ngăn lộ 231, 131, 431 E7.15 (220kV Quang Châu)	27/04	0.00	27/04	7.00		x
253	Tách ĐD 271 E8.35 (220kV Gia Lộc) – 285 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 271 E8.35; MC 255, 285 E8.30	28/04	7.00	28/04	16.00		x
254	Tách ĐD 276 E9.50 (220kV Nông Cống) – 271 Nậm Sum (Lào)	01/04	5.00	02/04	18.00		x
255	Tách ĐD 276 E9.50 (220kV Nông Cống) - 271 Trạm Cát Nậm Sum	01/04	6.00	01/04	17.00		x
256	Tách ĐD 172 E15.30 Quỳnh Lưu - 172 E15.3 Quỳ Hợp và MC 172 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	01/04	7.00	01/04	16.00		x
257	Tách ĐD 271 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 274 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), MC 271, TC C22, MC212 E11.15 (220kV Thái Thụy)	01/04	15.00	01/04	23.00		x
258	Tách và khôi phục MBA T3 E3.7 (220kV Nam Định)	01/04	20.00	01/04	23.00		x

259	Tách MBA AT2, MC232, MC132 E15.40 (220kV Tương Dương)	02/04	7.00	02/04	17.00		x
260	Tách ĐD 173 E15.30 Quỳnh Lưu - 171 E15.5 Quỳnh Lưu và MC 173 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	02/04	7.00	02/04	16.00		x
261	Tách ĐD 272 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 284 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), MC 272, TC C21 E11.15 (220kV Thái Thụy)	02/04	7.00	02/04	15.00		x
262	Tách MBA AT2, MC 232; MC 132; MC432 E1.45 (220kV Long Biên)	02/04	22.00	03/04	10.00		x
263	Tách ĐD 174 E15.30 Quỳnh Lưu - 172 E15.5 Quỳnh Lưu và MC 174 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	03/04	7.00	03/04	16.00		x
264	Tách ĐD 272 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 284 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), MC 272, TC C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	03/04	15.00	03/04	23.00		x
265	Tách ĐD 177 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 172 T500NQ; MC 172 T500NQ, MC 100, TC C19, MC 177 E23.1 (220kV Ninh Bình)	03/04	20.00	04/04	7.00		x
266	Tách ĐD 273 Tương Dương (E15.40) -274 Nậm Mô và 274 Tương Dương (E15.40) -273 Nậm Mô, MC273, 274 E15.40 (220kV Tương Dương)	04/04	6.00	05/04	12.00		x
267	Tách ĐD 175 E15.30 Quỳnh Lưu - 171 E15.52 Diễn Phong và MC 175 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	04/04	7.00	04/04	16.00		x
268	Tách ĐD 271 Phủ Lý (E24.4) - 276 Hà Đông (E1.4), MC271 E24.4 (220kV Phủ Lý)	05/04	7.00	05/04	17.00		x
269	Tách ĐD 177 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2) - 171 E7.5 (Kính Nội) và MC 177 EE27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	05/4	8.00	05/4	17.00		x
270	Tách ĐD 172 Phủ Lý (E24.4) - 171 Đồng Văn 4 (E24.14), MC172 E24.4	05/04	22.00	06/04	6.00		x
271	Tách MBA AT2, MC232, 132 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	05/4	22.00	06/4	8.00		x
272	Tách ĐD 176 E3.7-171 E3.14, MC 176, 112 E3.7 (220kV Nam Định) + Tái lập ca trực từ 15h00 đến 17h00 để thử thao tác sau khi thay rơ le F21 kèm BCU1 + Đăng ký tách SCADA về A1 từ 15h00 đến 17h00 để Update Project vào hệ thống MTĐK	05/04	0,01	05/04	15,00		x
273	Tách ĐD 271 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 274 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), MC 271, TC C22, MC212 E11.15 (220kV Thái Thụy)	01/04	15.00	01/04	23.00		x

274	Tách và khôi phục MBA T3 E3.7 (220kV Nam Định)	01/04	20.00	01/04	23.00		x
275	Tách ĐD 272 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 284 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), MC 272, TC C21 E11.15 (220kV Thái Thụy)	02/04	7.00	02/04	15.00		x
276	Tách ĐD 272 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 284 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), MC 272, TC C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	03/04	15.00	03/04	23.00		x
277	Tách ĐD 177 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 172 T500NQ; MC 172 T500NQ, MC 100, TC C19, MC 177 E23.1 (220kV Ninh Bình)	03/04	20.00	04/04	7.00		x
278	Tách ĐD 271 Phủ Lý (E24.4) - 276 Hà Đông (E1.4), MC271 E24.4 (220kV Phủ Lý)	05/04	7.00	05/04	17.00		x
279	Tách ĐD 172 Phủ Lý (E24.4) - 171 Đồng Văn 4 (E24.14), MC 172 E24.4	05/04	22.00	06/04	6.00		x
280	Tách ĐD 176 E3.7-171 E3.14, MC 176, 112 E3.7 (220kV Nam Định) + Tái lập ca trực từ 15h00 đến 17h00 để thử thao tác sau khi thay rơ le F21 kèm BCU1 + Đăng ký tách SCADA về A1 từ 15h00 đến 17h00 để Update Project vào hệ thống MTĐK	05/04	1.00	05/04	15.00		x
281	Tách ĐD 171 E11.15- 174 E11.2, MC 171, 112, TC C11 E11.15 (220kV Thái Thụy)	06/04	7.00	06/04	17.00		x
282	Tách ĐD 174 E11.15- 171 E11.2, MC 174 E11.15 (220kV Thái Thụy)	07/04	7.00	07/04	17.00		x
283	Tách ĐD 175 T500 Đông Anh - 183 E1.1 Đông Anh, MC 175 T500 Đông Anh	10/04	8.00	10/04	17.00		x
284	Tách ĐD 173 E27.15 ÷ 172 E27.7 Yên Phong và TC C11, MC 173 E27.15	10/04	22.00	11/04	7.00		x
285	Tách ĐD 171 E9.2 (220kV Ba Chè) - 172E9.48 (T110 Đông Sơn), MC 171 E9.2	11/04	0.00	11/04	24.00		x
286	Tách ĐD 271 E9.2 (220kV Ba Chè) - 271, 274 A15.41 (TĐ Đồng Văn); MC 271 E9.2	11/04	0.00	11/04	24.00		x
287	Tách ĐD 220kV 272E9.20 (220kV Bím Sơn) - 271, 273 NMTĐ Hòa Na (sáng cắt, chiều trả)	11/04	4.00	12/04	16.00		x
288	Tách ĐD 220kV 272, 274 A15.41 (TĐ Đồng Văn) - 272, 274 A9.25 (TĐ Hòa Na)	11/04	4.00	12/04	16.00		x
289	Tách ĐD 220kV 271 E9.2 (220kV Ba Chè) - 271 NMTĐ Đồng Văn (sáng cắt, chiều trả)	11/04	4.00	12/04	16.00		x

290	Tách ĐD 171 E9.20 (220kV Bim Sơn) - 172 E9.18 (T110 Hậu Lộc), MC 171 E9.20 (220kV Bim Sơn)	11/04	8.00	11/04	15.00		x
291	Tách ĐD 275 E15.1 (220kV Hưng Đông) - 275 T500 Hà Tĩnh, Tách C29 T500 Hà Tĩnh, MC 275 E15.1 (220kV Hưng Đông), 275 T500 Hà Tĩnh	12/04	5.00	12/04	22.00		x
292	Tách ĐD 171 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3) - 171 E27.16 (110kV Yên Phong 5) và MC 171 E27.15	12/04	7.00	12/04	17.00		x
293	Tách ĐD 183E9.20 (220kV Bim Sơn) - 172E9.47 (T110 Nga Sơn)	12/04	8.00	12/04	15.00		x
294	Tách ĐD 171 E11.15- 174 E11.2, MC 171, TC C11 E11.15 (220kV Thái Thụy)	06/04	7.00	06/04	17.00		x
295	Tách ĐD 174 E11.15- 171 E11.2, MC 174 E11.15 (220kV Thái Thụy)	07/04	7.00	07/04	17.00		x
296	Tách ĐD 220kV 272E9.20 (220kV Bim Sơn) - 271, 273 NMTĐ Hủa Na (sáng cắt, chiều trả)	12/04	4.00	13/04	16.00		x
297	Tách ĐD 220kV 271E9.2 (220kV Ba Chè) - 271NMTĐ Đồng Văn (sáng cắt, chiều trả)	12/04	4.00	13/04	16.00		x
298	Tách ĐD 220kV 272, 274A15.41 (TĐ Đồng Văn) - 272,274A9.25 (TĐ Hủa Na) (sáng cắt, chiều trả)	12/04	4.00	13/04	16.00		x
299	Tách TC C12, MBA AT2, 232, 132, 432E9.20 (220kV Bim Sơn)	12/04	7.00	12/04	16.00		x
300	Tách ĐD 172 E24.4 (220kV Phú Lý) - 171 E24.14 (Đồng Văn 4), MC172 E24.4 (220kV Phú Lý)	13/04	0.00	13/04	6.00		x
301	Tách ĐD 171E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 171E15.44 (110kV X Măng Tân Thắng)	13/04	0.00	13/04	24.00		x
302	Tách ĐD 273 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 272 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu); MC 272 E15.30, 273 E9.10	13/04	7.00	13/04	18.00		x
303	Tách ĐD 175E9.10 (220kV Nghi Sơn)- 171E9.37 (T110 Tĩnh Gia 2)	13/04	13.00	13/04	17.00		x
304	Tách MBA AT5, MC 235, MC 135 E1.4 (220kV Hà Đông)	14/04	7.00	15/04	22.00		x
305	Tách ĐD 277 T500 Thường Tín - 272 E24.4 (220kV Phú Lý); MC277 (T500TT).	15/04	8.00	16/04	23.00		x
306	Tách ĐD 176E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 172E9.13 (110kV Tĩnh Gia), MC 176 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	16/04	6.00	18/04	18.00		x
307	Tách ĐD 276 E1.4 (220kV Hà Đông) - 271 E24.4 (220kV Phú Lý), MC271 E24.4 (220kV Phú Lý)	16/04	6.00	16/04	23.00		x

308	Tách ĐD 172E9.2 (220kV Ba Chè) – 174E9.1 (T110 Núi Một), MC 172 E9.2 (220kV Ba Chè)	17/04	0.00	17/04	24.00		x
309	Tách MBA AT1, MC231, MC131, MC431 E24.4 (220kV Phù Lý)	17/04	6.00	17/04	23.00		x
310	Tách ĐD 271, 272 E3.7 (220kV Nam Định) - 272 E3.20 (220kV Trực Ninh)	17/04	22.00	18/04	20.00		x
311	Cô lập MBA AT1, C21, MC 271, 273, 131, 431 E27.6 (220kV Bắc Ninh) (Không đóng khép vòng MC 271, 273)	17/04	22.30	19/04	5.00		x
312	Tách ĐD 172E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 172E15.49 (110kV KCN Hoàng Mai 1), MC 172 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	18/04	0.00	18/04	24.00		x
313	Tách MBA AT2, MC232, MC132 E24.4 (220kV Phù Lý)	18/04	6.00	18/04	23.00		x
314	Tách MBA AT2, MC232, MC132, MC432 E11.1 (220kV Thái Bình)	18/04	6.00	20/04	6.00		x
315	Tách ĐD 274 E15.10 (220kV Đô Lương) - 275 E15.40 (220kV Tương Dương) và MC275 E15.40, 274 E15.10, tách lần lượt C21, C22 E15.10 (220kV Đô Lương)	18/04	7.00	18/04	18.00		x
316	Tách MBA T4, MC 134, 334, 434 E1.6 220kV Chèm	18/04	8.00	20/04	6.00		x
317	Tách ĐD 273 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 271 E3.20 (220kV Trực Ninh)	18/04	22.00	19/04	18.00		x
318	Tách TC C12; MBA AT4, 234, 134, 434 (T500TT).	18/04	22h00	19/04	08h00		x
319	Tách ĐD 176 E3.7-171 E3.14, MC 176 E3.7 (220kV Nam Định); 112 E3.7	19/04	0.00	19/04	6.00		x
320	Tách MBA AT2, MC 272, 274 E27.6 (220kV Bắc Ninh) (không đóng khép vòng MC 272, 274)	19/04	7.00	19/04	15.00		x
321	Tách ĐD 173E9.2 (220kV Ba Chè) – 175E9.1 (T110 Đông Sơn), 173 E9.2	23/04	0.00	23/04	23.00		x
322	Tách MBA AT4 E1.11 (220kV Thành Công)	16/04	0.00	19/04	23.00		x
323	Tách ĐD 172 T500HT - 172 E18.1 Thạch Linh, C19 trạm 500kV Hà Tĩnh	19/04	5.00	19/04	11.00		x
324	Tách ĐD 174 T500HT - 171 E18.13 Hà Tĩnh, C19 trạm 500kV Hà Tĩnh	20/04	5.00	20/04	11.00		x
325	Tách ĐD 271T500THO (500kV Thanh Hóa) -276E9.2 (220kVBa Chè), MC 271T500THO (500kV Thanh Hóa), 276E9.2 (220kVBa Chè)	20/04	22.00	21/04	6.00		x

326	Tách ĐD 271E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 271E9.50 (220kV Nông Cống)	22/04	0.00	22/04	24.00		x
327	Tách ĐD 175 (E1.45) Long Biên - 171 Sài Đồng 2 (E1.59); MC 175 E1.45	22/04	8.00	22/04	17.00		x
328	Tách ĐD 173E9.2 (220kV Ba Chè) – 175E9.1 (T110 Núi Một)	23/04	0.00	23/04	24.00		x
329	Tách ĐD 180 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu) - 171 E15.17 Hoàng Mai	23/04	7.00	23/04	16.00		x
330	Tách ĐD 181 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu) - 172 E15.6 XM Tân Thắng - XM Hoàng Mai. MC 181 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	24/04	7.00	24/04	16.00		x
331	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131 E1.6 (220kV Chèm)	24/04	20.00	25/04	17.00		x
332	Tách ĐD 171 E15.10 220kV Đô Lương - 171 E15.4 T110kV Thanh Chương và MC171 E15.10; tách ĐD 173 E15.10 220kV Đô Lương - 171E15.31 XM Sông Lam 1 và MC173 E15.10	25/04	4.00	25/04	19.00		x
333	Tách ngăn lộ 178, ĐD 178 Vũ Thư (E11.20) – 172 Sông Trà (E11.21)	26/04	23.00	27/04	7.00		x
334	Tách ĐD 176 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 172E9.13 (110kV Tĩnh Gia), MC 176 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	23/04	6.00	26/04	18.00		x
335	Tách MBA AT3, MC 233, MC 133 E1.4 (220kV Hà Đông)	23/04	21.00	25/04	21.00		x
336	Cô lập MBA AT1, C21, MC 271, 273, 131, 431 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	26/04	5.00	26/04	19.00		x
337	Tách MBA AT2, MC 232, MC 132 E1.6 (220kV Chèm)	27/04	20.00	28/04	17.00		x
338	Tách ĐD 274 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu) - 275 E15.50 (220kV Nam Cẩm) và MC 274 E15.30, 275 E15.50	28/04	5.00	28/04	17.00		x
339	Tách ĐD 178 E15.1 (220kV Hưng Đông) - 172 E15.58 Nghi Lộc và MC 178 E15.1 (220kV Hưng Đông)	28/04	6.00	28/04	15.00		x
340	Tách ĐD 271 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 274 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), MC 271 E11.15 (220kV Thái Thụy)	28/04	7.00	28/04	17.00		x
341	Tách MBA AT2, MC 232, 132 E23.1 (220kV Ninh Bình)	28/04	22.00	29/04	7.30		x
342	Tách ĐD 271 E11.20 (220kV Vũ Thư) - 273, 274 E3.7 (220kV Nam Định); MC 273, 274 Nam Định E3.7 (220kV Nam Định)	29/04	7,00	29/04	15,00		x

b. PTC2

***Trạm biến áp:**

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT	THỜI GIAN	Theo	Không
-----	---------------	-----------	------	-------

	DIỆN	Bắt đầu		Kết thúc		kế hoạch	theo kế hoạch
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	MBA AT1 Sông Tranh 2 220	03/04/26	08:29	03/04/26	17:52	x	
2	MBA AT1 Tam Kỳ 220	05/04/26	07:55	10/04/26	18:16	x	
3	MBA AT1 Dung Quất 220	06/04/26	08:12	06/04/26	14:33	x	
4	MBA AT1 Quảng Ngãi 220	08/04/26	07:34	08/04/26	16:46	x	
5	MBA AT1 Đông Hà 220	11/04/26	10:09	11/04/26	15:31	x	
6	MBA T4 Sơn Hà 220	18/04/26	08:08	18/04/26	16:09	x	
7	MBA T1 Ngũ Hành Sơn 220	22/04/26	05:36	22/04/26	10:27	x	
8	MBA T2 Ngũ Hành Sơn 220	23/04/26	04:37	23/04/26	09:20	x	
9	MBA AT4 Hòa Khánh 220	23/04/26	07:50	24/04/26	19:49	x	
10	MBA AT2 Quảng Trị 500	28/04/26	07:50	28/04/26	17:56	x	
11	MBA T2 Hòa Khánh 220	28/04/26	06:27	28/04/26	10:13	x	
12	MBA T1 Hòa Khánh 220	29/04/26	06:08	29/04/26	09:56	x	
13	MBA AT1 Đà Nẵng 500	29/04/26	08:41	29/04/26	16:41	x	

*** Đường dây:**

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	ĐD 500kV 576 Thanh Mỹ - 582 Monsoon	03/04/26	06:40	09/04/26	14:16	x	
2	ĐD 500kV 574 Vũng Áng – 573 Quảng Trị	04/04/26	06:34	05/04/26	17:30	x	
3	ĐD 220kV 274 Quảng Ngãi - 274 Thượng Kon Tum	04/04/26	06:55	04/04/26	18:31	x	
4	ĐD 220kV 272 Phong Điền - 271 Quảng Trị	04/04/26	07:55	04/04/26	14:45	x	
5	ĐD 220kV 275 Hoà Khánh - 273 Huế	05/04/26	06:21	05/04/26	17:48	x	
6	ĐD 220kV 273 Bờ Y- 271 Xekaman 1	06/04/26	08:30	06/04/26	15:21	x	
7	ĐD 220kV 273, 274 Đồng Hới - 273 BT1	07/04/26	05:47	07/04/26	11:20	x	
8	ĐD 220kV 274 Đông Hà - 272 BT1	07/04/26	14:26	07/04/26	17:29	x	
9	ĐD 220kV 277 Pleiku - 272 KonTum	07/04/26	06:39	07/04/26	16:53	x	
10	ĐD 220kV 271 Bờ Y- 274 Pleiku2	08/04/26	07:22	09/04/26	17:50	x	
11	ĐD 220kV 274 Bờ Y - 272 Xekaman 1	09/04/26	08:51	09/04/26	15:36	x	
12	ĐD 220kV 271 Tam Kỳ-277 Dốc Sỏi	09/04/26	07:52	14/04/26	22:58	x	
13	ĐD 500kV 575 Thanh Mỹ - 581 Monsoon	09/04/26	20:34	12/04/26	10:06	x	

14	ĐD 220kV 272 Bồ Y- 273 Pleiku 2	10/04/26	06:23	11/04/26	17:02	x	
15	ĐD 220kV 278 Pleiku - 271 Kon Tum	10/04/26	07:20	10/04/26	17:07	x	
16	ĐD 220kV 272 Quảng Ngãi-274 Đốc Sỏi	11/04/26	08:54	13/04/26	16:16	x	
17	ĐD 220kV 275, 276 Đồng Hới - 275 Đồng Hà	15/04/26	06:25	15/04/26	18:10	x	
18	ĐD 220kV 272 Sơn Hà-279 Đốc Sỏi	16/04/26	06:25	16/04/26	17:11	x	
19	ĐD 220kV 271 Đăk Ooc - 271 Xekaman 3	17/04/26	06:39	17/04/26	16:27	x	
20	ĐD 220kV 275 Quảng Ngãi - 273 Phù Mỹ	16/04/26	17:07	17/04/26	03:30	x	
21	ĐD 220kV 271 Formosa Hà Tĩnh - 271 Ba Đồn	18/04/26	06:57	20/04/26	18:46	x	
22	ĐD 220kV 273 Duy Xuyên - 274 Ngũ Hành Sơn	29/04/26	08:02	29/04/26	18:09	x	
23	ĐD 500kV 575 Đốc Sỏi - 581 Pleiku 2	18/04/26	07:52	18/04/26	16:37	x	
24	ĐD 500kV 574 Quảng Trị - 574 Hà Tĩnh	18/04/26	07:44	19/04/26	17:50	x	
25	ĐD 500kV 576 Đốc Sỏi - 582 Pleiku 2	19/04/26	07:30	19/04/26	17:41	x	
26	ĐD 220kV 271 Hải Châu - 272 Đà Nẵng	20/04/26	06:14	21/04/26	16:27	x	
27	ĐD 500kV 573 Quảng Trị - 574 Vũng Áng	21/04/26	06:55	21/04/26	17:50	x	
28	ĐD 220kV 272 Ba Đồn - 275 Đồng Hới	21/04/26	06:25	21/04/26	17:35	x	
29	ĐD 220kV 275 Hòa Khánh-273 Huế	22/04/26	06:18	22/04/26	16:51	x	
30	ĐD 500kV 574 Quảng Trạch - 574 Đốc Sỏi	23/04/26	06:51	23/04/26	16:54	x	
31	ĐD 220kV 276 Hòa Khánh - 272 Huế	24/04/26	06:53	24/04/26	14:08	x	
32	ĐD 220kV 277 Đồng Hà - 273 Lao Bảo	23/04/26	06:33	23/04/26	19:55	x	

c. PTC3

STT	Đối tượng cắt điện	Thời gian				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Cô lập MC 200, TC C29 trạm 500kV Pleiku.	01/04/2026	06h45	02/04/2026	16h00	x	
2	Cô lập MC 276, TI276 TBA 500kV Đắk Nông; ĐD ĐD 273/Đồng Nai 3 - 276/T500 Đắk Nông	01/04/2026	09h07	01/04/2026	14h34	x	
3	Cô lập TC C19 trạm 220kV Krông Ana.	02/04/2026	08h12	02/04/2026	11h26	x	
4	Cô lập MC 275, 276 TBA 220kV Ninh Phước; ĐD 276 Thuận Nam - 276 Ninh Phước, 274 Nhị Hà - 275 Ninh Phước;	02/04/2026	18h36	03/04/2026	05h00	x	
5	Cô lập MC 200, TI200 trạm 500kV Di Linh.	03/04/2026	06h00	08/04/2026	21h00	x	
6	Cô lập TC C21, C23 trạm 500kV Vĩnh Tân.	03/04/2026	16h38	03/04/2026	23h39	x	
7	Cô lập MC 582 TBA 500kV Vĩnh Tân.	03/04/2026	07h28	03/04/2026	16h39	x	
8	Cô lập ĐD 272 Buôn Kuốp - 273 Krông Ana.	03/04/2026	08h05	03/04/2026	13h27	x	
9	Cô lập TC C22, DCL 272-2, 273-2, 231-3 MBA AT1 trạm 220kV Krông Ana.	04/04/2026	08h14	04/04/2026	13h10	x	
10	TC C22, DCL 200-2 trạm 500kV Di Linh.	04/04/2026	06h15	04/04/2026	19h53	x	
11	Cô lập MC 212; TC C22 trạm 500kV Pleiku.	04/04/2026	06h14	04/04/2026	16h51	x	
12	Dùng MC 100 thay thế MC 131; Cô lập MC 174; TU174; thanh cái C11 TBA 220kV Tháp Chàm	04/04/2026	19h20	04/04/2026	22h19	x	
13	Cô lập MBA T3 - MC 133, 433 trạm 220KV Quy Nhơn	05/04/2026	06h45	05/04/2026	11h50	x	
14	Cô lập TC C21, DCL 200-1 trạm 500kV Di Linh.	05/04/2026	06h36	05/04/2026	18h26	x	
15	Cô lập MC 212; TC C21 trạm 500kV Pleiku.	05/04/2026	06h50	05/04/2026	16h00	x	
16	Cô lập MC 272 trạm 220kV Hàm Tân; ĐD 272/Hàm Tân - 272/NMĐ Đá Bạc	05/04/2026	08h21	05/04/2026	16h25	x	
17	Cô lập MC 100, TI100 trạm 220kV Quy Nhơn.	06/04/2026	08h05	06/04/2026	13h44	x	
18	Cô lập ĐD 277 Ninh Phước - 271 Thuận Nam	06/04/2026	18h13	07/04/2026	05h08	x	

19	Cô lập MC173, TU173, DCL 173-7 Trạm 220kV Đắk Nông	06/04/2026	16h30	06/04/2026	18h44	x	
20	Cô lập MBA 220kV AT1, MC 231, 131, 441 TBA 220kV Ninh Phước.	06/04/2026	18h41	06/04/2026	23h41	x	
21	Cô lập MBA AT1 trạm 220kV Đắk Nông	06/04/2026	07h43	06/04/2026	15h26	x	
22	Cô lập MC 271 trạm 220kV Hàm Tân; ĐD 271 Hàm Tân - 273 Châu Đức.	06/04/2026	18h11	06/04/2026	23h33	x	
23	Cô lập TC C29, DCL 200-9 trạm 500kV Di Linh.	03/04/2026	06h48	07/04/2026	23h00	x	
24	Cô lập ĐD 278 Ninh Phước - 272 Thuận Nam.	07/04/2026	18h23	08/04/2026	00h13	x	
25	Cô lập MBA AT2 trạm 220kV Đắk Nông	07/04/2026	07h45	07/04/2026	14h30	x	
26	Cô lập MC 277 trạm 500kV Pleiku; ĐD 277 Pleiku - 272 KonTum	07/04/2026	06h38	07/04/2026	15h47	x	
27	Cô lập MC 274 trạm 500kV Pleiku2; ĐD 271 Bờ Y - 274 Pleiku2.	08/04/2026	07h20	09/04/2026	18h22	x	
28	Cô lập MC 212 TBA 220kV Ninh Phước.	08/04/2026	18h31	08/04/2026	19h53	x	
29	Cô lập MC 271, MC272 Trạm 220kV An Khê; ĐD 272 Hưng Hải - 271 An Khê	08/04/2026	16h26	08/04/2026	22h32	x	
30	Cô lập MC 200, TC C29 trạm 220kV Krông Búk.	08/04/2026	08h31	09/04/2026	16h00	x	
31	Cô lập MC 172, TU172, TI172 trạm 220kV Bảo Lộc	08/04/2026	08h00	08/04/2026	14h30	x	
32	Cô lập MC 273 trạm 220kV Quy Nhơn	09/04/2026	14h46	09/04/2026	18h24	x	
33	Cô lập MC 173, DCL 173-2, TU173, TC C12 Trạm 220kV Tháp Chàm.	09/04/2026	19h32	09/04/2026	21h30	x	
34	Cô lập ĐD 574 Vĩnh Tân - 574 Sông Mỹ	09/04/2026	18h51	10/04/2026	00h58	x	
35	Cô lập MC 565, MC 575 trạm 500kV Vĩnh Tân; ĐD 575 Vĩnh Tân - 584 Sông Mỹ	10/04/2026	18h02	11/04/2026	05h57	x	
36	Cô lập MC 273 trạm 500kV Pleiku2; ĐD272 Bờ Y - 273 Pleiku2	10/04/2026	06h34	11/04/2026	16h46	x	
37	Cô lập MC 278 trạm 500kV Pleiku; ĐD 278 Pleiku - 271 KonTum	10/04/2026	07h19	10/04/2026	17h43	x	
38	Cô lập MC 271 trạm 220kV Krông Búk; ĐD	10/04/2026	17h35	10/04/2026	21h32	x	

	272 Cư Né 1- 271 Krông Búk.						
39	Cô lập MC 272 TBA 220kV Cam Ranh; ĐD 274 Thiên Tân 1.4 - 272 Cam Ranh	10/04/2026	19h20	11/04/2026	04h17	x	
40	Cô lập TC C22 trạm 500kV Di Linh	10/04/2026	12h00	10/04/2026	16h00	x	
41	Cô lập TC C21 trạm 500kV Di Linh	10/04/2026	08h42	10/04/2026	12h00	x	
42	Cô lập MC 573, 574, TBD504 trạm 500kV Di Linh; ĐD 571 EaNam - 574 DiLinh.	11/04/2026	07h17	11/04/2026	15h37	x	
43	Cô lập MC 272, MC 274 Trạm 220kV An Khê; MC 277 trạm 220kV Phước An; ĐD 272 An Khê - 277 Phước An.	11/04/2026	16h45	11/04/2026	22h45	x	
44	Cô lập F87L ngắn lộ 276; Cô lập F87B thanh cái C21 C22., Dừng MC200 thay thế MC276 TBA 500kV Di Linh	11/04/2026	08h47	11/04/2026	11h10	x	
45	Cô lập MC273, TI273 TBA 500kV Đắk Nông; ĐD 271 Đắk Hòa - 273 Đắk Nông500.	11/04/2026	15h37	12/04/2026	07h14	x	
46	Cô lập ĐD 274 BuônKuốp-272 Đắk Hòa	12/04/2026	16h24	12/04/2026	22h18	x	
47	Cô lập KH505, MC575, MC564, MCK505 trạm 500kV Pleiku; ĐD 575 Pleiku -572 EaNam	12/04/2026	07h02	12/04/2026	18h00	x	
48	Cô lập thanh cái C29 TBA 500kV Di Linh	13/04/2026	06h55	29/04/2026	08h00	x	
49	Cô lập ĐD 274 Buôn Kuốp -272 Đắk Hòa.	13/04/2026	15h42	13/04/2026	21h49	x	
50	Cô lập MC 573, 563, K503, KH503 TBA 500kV Vĩnh Tân; ĐD 573 Vĩnh Tân - 573 Sông Mây	13/04/2026	17h41	14/04/2026	03h00	x	
51	Cô lập MBA AT1, MC 531, 561, 231 TBA 500kV Vân Phong.	13/04/2026	07h49	14/04/2026	16h49	x	
52	Cô lập ĐD 271Đắk Hòa - 273 T500 Đắk Nông	13/04/2026	16h09	13/04/2026	21h55	x	
53	Cô lập ĐD 271 YangTrung - 277 Pleiku2(Hàng ngày)	13/04/2026	16h14	14/04/2026	23h38	x	
54	Cô lập MC 175 trạm 220kV Hàm Tân	14/04/2026	09h02	14/04/2026	14h54	x	
55	Cô lập ĐD 274/Nhị Hà - 275/Ninh Phước	14/04/2026	19h20	15/04/2026	02h51	x	
56	Cô lập MC 272 trạm 220kV Phan Thiết; ĐD 272 Phan Thiết - 273	14/04/2026	17h39	14/04/2026	23h30	x	

	NMĐ Hàm Thuận						
57	Cô lập ĐD 275 Thuận Nam - 275 Nhị Hà	15/04/2026	19h17	16/04/2026	04h00	x	
58	Cô lập MBA AT2, MC 532, 562, 232 TBA 500kV Vân Phong.	15/04/2026	07h00	16/04/2026	18h00	x	
59	Cô lập MC 283; MC 253 trạm 500kV Vĩnh Tân; ĐD (283,253) Vĩnh Tân - MBA T2 NMĐ Vĩnh Tân 2	16/04/2026	07h47	17/04/2026	08h04	x	
60	Cô lập MBA AT1 MC 231 131 441 thanh cái C22 C12 TBA 220kV Tháp Chàm.	16/04/2026	19h03	16/04/2026	21h48	x	
61	Cô lập MC 273, DCL 273-7, TU 273 trạm 220kV Phù Mỹ; ĐD 273 Phù Mỹ - 275 Quảng Ngãi	16/04/2026	17h09	16/04/2026	23h12	x	
62	Cô lập ĐD271 Phan Rí - 273 Thái Hòa	16/04/2026	17h27	16/04/2026	23h03	x	
63	Cô lập KH505 trạm 500kV Pleiku	16/04/2026	06h50	16/04/2026	16h34	x	
64	Cô lập ĐD 274 Thái Hòa - 273 Hồng Phong 1A.	16/04/2026	17h27	16/04/2026	23h03	x	
65	Cô lập ĐD 271 Phan Rí - 273 Thái Hòa	17/04/2026	16h48	17/04/2026	22h18	x	
66	Cô lập ĐD 274 Thái Hòa - 273 Hồng Phong 1A	17/04/2026	16h48	17/04/2026	22h18	x	
67	Cô lập MC 573, 574, K504, TBD504, KH504, TC C54 TBA 500kV Đăk Nông; ĐD 576 Nhơn Hòa - 574 Đăk Nông.	17/04/2026	07h07	17/04/2026	16h59	x	
68	Cô lập MC 576 566; DCL 576-7 TBA 500kV Vĩnh Tân; ĐD 500kV 576 Vĩnh Tân - 572 Tân Uyên	18/04/2026	18h46	19/04/2026	05h55	x	
69	Cô lập KH591 MC 561 581 K591 T500 Pleiku 2; ĐD 581 Pleiku 2 - 575 Đốc Sỏi	18/04/2026	07h52	18/04/2026	16h30	x	
70	Cô lập MC 212 trạm 220kV Phan Thiết	18/04/2026	18h34	19/04/2026	05h34	x	
71	Cô lập MC 271 (18/04/2026 18:00 - 19/04/2026 06:00 (Liên tục)); Cô lập 271-1 C21 (18/04/2026 18:00 - 19/04/2026 00:00 (Liên tục)); 271-2 C22 (19/04/2026 00:00 - 19/04/2026 06:00 (Liên tục)) trạm 220kV Phan Thiết; ĐD 271 Phan Thiết - 276 Hàm Tân	18/04/2026	18h34	19/04/2026	05h34	x	

72	Cô lập KH508 trạm 500kV Pleiku	18/04/2026	06h43	19/04/2026	16h02	x	
73	Cô lập KH592 MC 562 582 K592 T500 Pleiku 2; ĐD 582 Pleiku 2 - 576 Đốc Sỏi	19/04/2026	07h42	19/04/2026	16h36	x	
74	Cô lập ĐD 271 Srêpok4 – 275 Krông Buk	19/04/2026	06h34	19/04/2026	16h35	x	
75	Cô lập KH593 trạm 500kV Pleiku2	20/04/2026	08h44	23/04/2026	19h00	x	
76	Cô lập ngăn lộ 276 TBA 500kV Di Linh; ĐD 276 Di Linh - 272 Đức Trọng 2	20/04/2026	18h04	20/04/2026	21h04	x	
77	Cô lập MC 272 trạm 220kV Ninh Phước; ĐD 272 Ninh Phước - 231 NMDG số 5 Ninh Thuận	20/04/2026	08h46	20/04/2026	14h52	x	
78	Cô lập MC 272 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Tuy Hòa	21/04/2026	06h04	21/04/2026	14h10	x	
79	Cô lập MBA AT1, MC 271, 274, 131 và 431 trạm 220kV An Khê	21/04/2026	09h22	21/04/2026	16h26	x	
80	Cô lập MC 212, 275 TBA 220kV Tháp Chàm	21/04/2026	08h51	21/04/2026	13h38	x	
81	Cô lập MC 185, DCL 185-7, TU 185 trạm 220kV Ninh Phước	21/04/2026	09h18	21/04/2026	11h20	x	
82	Cô lập ĐD 220kV 271 Quy Nhơn - 271 Tuy Hòa (Đột xuất)	21/04/2026	17h48	21/04/2026	20h12	x	
83	Cô lập MC 278 TBA 220kV Tháp Chàm; ĐD 273 Thiên Tân 1.4 - 278 Tháp Chàm.	21/04/2026	17h00	22/04/2026	05h04	x	
84	Cô lập ĐD 272 Srêpok 4 - 272 Srêpok 3.	21/04/2026	06h45	21/04/2026	11h24	x	
85	Cô lập MC 171, 172, 112 TBA 220kV Phước Thái.	22/04/2026	08h23	22/04/2026	17h34	x	
86	Cô lập MC 275 Nha Trang; 277 Tháp Chàm; ĐD 275 Nha Trang - 277 Tháp Chàm (Hàng ngày)	22/04/2026	17h11	25/04/2026	05h30	x	
87	Cô lập ĐD 271/NMĐG BIM - 277/Quán Thế (hàng ngày)	22/04/2026	20h07	22/04/2026	22h23	x	
88	Cô lập MC 100 trạm 220kV Krông Buk	23/04/2026	06h55	23/04/2026	15h57	x	
89	Cô lập MC 271, TU 271, TC C29, DCL 271-9 TBA 220kV Phước Thái.	23/04/2026	18h44	24/04/2026	02h39	x	
90	Cô lập MC 200, 274 Trạm 220kV Bảo Lộc	23/04/2026	08h08	24/04/2026	13h55	x	
91	Cô lập MC 272, 212, TU 272, TC C29, DCL 272-9 TBA 220kV Phước Thái	24/04/2026	18h43	25/04/2026	02h06	x	

92	Cô lập MC 273 (24/04/2026 18:00 - 25/04/2026 05:00 (Liên tục)) Cô lập 273-1 C21 (24/04/2026 18:00 - 25/04/2026 00:00 (Liên tục)) Cô lập 273-2 C22 (25/04/2026 00:00 - 25/04/2026 05:00 (Liên tục)) trạm 220kV Phan Thiết; ĐD 273 Phan Thiết - 275 Hàm Tân.	24/04/2026	18h37	25/04/2026	04h32	x	
93	Cô lập ĐD 274_NMTĐ AnKhê- 272_NMĐSK AnKhê	24/04/2026	16h50	24/04/2026	23h14	x	
94	Cô lập MC280 Phước An; MC 272 Phù Mỹ; ĐD 272 Phù Mỹ - 280 Phước An	25/04/2026	16h19	25/04/2026	23h05	x	
95	Cô lập MBA 220kV T1, MC 231, 431, 433 TBA 220kV Phước Thái.	27/04/2026	18h00	28/04/2026	06h00	x	
96	Cô lập MC275, TI275 Trạm 500kV Pleiku2; MC272, TI272 trạm 500kV Pleiku; ĐD 275 Pleiku 2 - 272 Pleiku.	27/04/2026	08h00	27/04/2026	22h00	x	
97	Cô lập MC 200, TC C29 trạm 500kV Vân Phong	28/04/2026	09h00	28/04/2026	11h00	x	
98	Cô lập MC 273, 274, 200 trạm 500kV Di Linh; ĐD 274 Di Linh - 272 Đại Ninh, 273 Di Linh - 271Đại Ninh	28/04/2026	23h00	29/04/2026	03h00	x	
99	Cô lập MC276 TU 276, TC C29 (28/04/2026 17:00 - 29/04/2026 05:00 (Liên tục)) TC C21 (28/04/2026 17:00 - 28/04/2026 22:30 (Liên tục)) TC C22 (28/04/2026 23:00 - 29/04/2026 05:00 (Liên tục)) trạm 220kV Tuy Hòa; ĐD 276 Tuy Hòa - 273 Hòa Hội.	28/04/2026	17h00	29/04/2026	05h00	x	
100	Cô lập ngăn lộ 275 TBA 500kV Di Linh; ĐD 275 Di Linh - 272 TĐ Đồng Nai2	28/04/2026	18h00	28/04/2026	21h00	x	
101	Cô lập TC C21; DCL 278-1 trạm 500kV Pleiku2	28/04/2026	05h00	28/04/2026	15h00	x	
102	Cô lập MC 100, TC C19, MC 200, TC C29 trạm 220kV Vân Phong.	29/04/2026	09h00	29/04/2026	13h00	x	

103	Cô lập C22; DCL 278-2 trạm 500kV Pleiku2	29/04/2026	05h00	29/04/2026	15h00	x	
104	Cô lập TC C19, C29 trạm 220kV Nha Trang	29/04/2026	15h30	29/04/2026	17h30	x	

d. PTC4

Trạm biến áp

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
I	Trạm biến áp	Thiết bị cô lập						
1	Trạm 220kV Vũng Tàu	AT2	25/04	08:41	25/04	17:15	x	
2	Trạm 220kV Cần Thơ 2	174	20/04	08:25	20/04	16:02	x	
3	Trạm 500kV Sông Máy	C29	19/04	08:49	19/04	16:02	x	
4	Trạm 220kV Hóc Môn	C21	19/04	07:48	19/04	17:11	x	
5	Trạm 220kV Long An	432	19/04	07:40	19/04	15:03	x	
6	Trạm 500kV Chợ Thành	C52	19/04	07:14	19/04	14:13	x	
7	Trạm 220kV Trảng Bàng	173	19/04	06:30	19/04	14:00	x	
8	Trạm 220kV Cần Đước	112	19/04	06:10	19/04	16:00	x	
9	Trạm 220kV Uyên Hưng	175	19/04	06:00	19/04	16:00	x	
10	Trạm 220kV Uyên Hưng	C22	19/04	06:00	19/04	20:08	x	
11	Trạm 220kV Long Bình	C11	17/04	22:00	18/04	04:00	x	
12	Trạm 220kV Thủ Đức	T102	17/04	08:30	17/04	14:46	x	
13	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	16/04	08:58	18/04	18:21	x	
14	Trạm 220kV Vũng Tàu	180	16/04	08:47	16/04	16:10	x	
15	Trạm 500kV Phú Lâm	T102	16/04	08:21	16/04	16:02	x	
16	Trạm 500kV Cầu Bông	442	16/04	08:21	16/04	10:27	x	
17	Trạm 220kV Bầu Đôn	174	16/04	07:55	16/04	14:12	x	
18	Trạm 220kV Long Bình	C11	15/04	20:40	16/04	05:36	x	
19	Trạm 220kV Vũng Tàu	112	15/04	09:52	15/04	17:10	x	
20	Trạm 500kV Phú Lâm	T101	15/04	09:40	15/04	10:46	x	
21	Trạm 220kV Tây Ninh 2	C12	15/04	08:12	15/04	12:11	x	
22	Trạm 500kV Cầu Bông	441	15/04	08:08	15/04	11:14	x	
23	Trạm 500kV Duyên Hải	255	15/04	07:55	15/04	10:13	x	
24	Trạm 220kV Bầu Đôn	180	15/04	07:30	15/04	14:38		x
25	Trạm 220kV Hóc Môn	T102	14/04	08:00	14/04	11:30	x	
26	Trạm 220kV Cần Thơ 2	C12	14/04	07:00	14/04	17:22	x	
27	Trạm 220kV Tây Ninh 2	173	14/04	07:00	16/04	14:16	x	
28	Trạm 500kV Duyên Hải	285	14/04	07:00	14/04	18:00	x	
29	Trạm 220kV Bầu Đôn	179	14/04	07:00	14/04	14:20	x	
30	Trạm 500kV Duyên Hải	283	10/04	09:21	10/04	11:12	x	
31	Trạm 220kV Bình Hòa	C12	10/04	08:02	10/04	11:56	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
32	Trạm 220kV Long An	274	10/04	07:49	10/04	15:26	x	
33	Trạm 500kV Duyên Hải	251	10/04	07:47	10/04	09:02	x	
34	Trạm 220kV Bến Lức	AT3	04/04	11:27	04/04	14:32	x	
35	Trạm 220kV Thốt Nốt	441	04/04	09:30	04/04	17:02	x	
36	Trạm 220kV Mỹ Xuân	232	04/04	08:47	04/04	18:06	x	
37	Trạm 220kV Trà Nóc	C12	04/04	08:14	04/04	14:10	x	
38	Trạm 220kV Bình Hòa	C12	04/04	07:10	04/04	10:25	x	
39	Trạm 500kV Duyên Hải	565	02/04	07:32	02/04	16:57	x	
40	Trạm 220kV Long An	431	01/04	08:40	01/04	13:12	x	
41	Trạm 220kV Long Bình	C21	01/04	07:42	04/04	10:42	x	
42	Trạm 220kV Cần Thơ 2	178	01/04	07:25	01/04	15:14	x	
43	Trạm 220kV Thốt Nốt	T101	29/04	07:00	29/04	12:00	x	
44	Trạm 220kV Tp Nhơn Trạch	177	28/04	07:00	29/04	23:00	x	
45	Trạm 220kV Định Quán	TC C21	24/04	08:00	24/04	18:00	x	
46	Trạm 220kV Bến Tre	177	24/04	07:00	24/04	10:10	x	
47	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	24/04	06:00	24/04	18:00	x	
48	Trạm 220kV Thuận An	C12	24/04	06:00	24/04	16:00	x	
49	Trạm 220kV Rạch Giá	132	24/04	05:00	24/04	16:30	x	
50	Trạm 220kV Hóc Môn	T4	23/04	09:20	23/04	11:30	x	
51	Trạm 220kV Ô Môn 2	AT4	23/04	08:30	23/04	17:18	x	
52	Trạm 220kV Bến Tre	176	23/04	08:10	23/04	12:01	x	
53	Trạm 220kV Mỏ Cày	172	23/04	08:10	23/04	15:45	x	
54	Trạm 500kV Phú Lâm	135	22/04	21:39	22/04	22:12	x	
55	Trạm 220kV Châu Đức	C12	22/04	09:50	22/04	16:14	x	
56	Trạm 220kV Tp Nhơn Trạch	112	22/04	08:04	22/04	17:04	x	
57	Trạm 220kV Định Quán	274	22/04	08:00	24/04	19:00	x	
58	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	22/04	06:11	23/04	18:06	x	
59	Trạm 220kV Bến Tre	AT1	21/04	08:48	21/04	16:48	x	
60	Trạm 500kV Phú Mỹ	581	21/04	08:36	21/04	14:27	x	
61	Trạm 220kV Cần Thơ 2	181	21/04	07:50	21/04	17:50	x	
62	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	19/04	06:00	19/04	17:00	x	
63	Trạm 220kV Nhà Bè	C21	18/04	09:40	24/04	22:00	x	
64	Trạm 220kV Long Bình	212	18/04	08:45	19/04	05:34	x	
65	Trạm 220kV Rạch Giá	C22	18/04	07:59	18/04	14:19	x	
66	Trạm 220kV Rạch Giá	275	14/04	05:55	18/04	18:50	x	
67	Trạm 220kV Long Bình	C22	14/04	04:00	18/04	22:00	x	
68	Trạm 220kV Trà Nóc	174	13/04	09:35	13/04	15:30	x	
69	Trạm 220kV An Phước	AT1	12/04	09:46	12/04	16:22	x	
70	Trạm 220kV Cần Đước	C11	12/04	08:59	12/04	15:09	x	
71	Trạm 220kV Uyên Hưng	C12	12/04	08:59	12/04	14:50	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
72	Trạm 220kV Nhà Bè	173	12/04	08:51	12/04	14:21	x	
73	Trạm 220kV Mỹ Tho 2	432	12/04	08:20	12/04	15:22	x	
74	Trạm 220kV Bến Lức	AT2	12/04	06:40	12/04	14:54	x	
75	Trạm 220kV Trà Nóc	C12	11/04	07:23	11/04	17:23	x	
76	Trạm 500kV Phú Lâm	134	11/04	00:12	11/04	02:50	x	
77	Trạm 500kV Sông Mỹ	K594	09/04	09:32	09/04	21:05	x	
78	Trạm 500kV Duyên Hải	532	09/04	07:11	09/04	13:13	x	
79	Trạm 220kV Long Bình	C12	08/04	22:57	09/04	01:13	x	
80	Trạm 220kV Bến Lức	C12	08/04	08:50	08/04	14:30	x	
81	Trạm 220kV Long Xuyên 2	C12	08/04	08:35	08/04	14:21	x	
82	Trạm 500kV Duyên Hải	271	07/04	13:39	07/04	17:39	x	
83	Trạm 500kV Duyên Hải	232	07/04	08:40	07/04	12:40	x	
84	Trạm 220kV Tây Ninh 2	171	07/04	07:36	07/04	16:36	x	
85	Trạm 220kV Trảng Bàng	171	07/04	07:35	07/04	17:35	x	
86	Trạm 220kV Định Quán	TC C21	06/04	10:03	16/04	10:03	x	
87	Trạm 220kV Thốt Nốt	T101	06/04	07:18	07/04	14:07	x	
88	Trạm 220kV Long Thành	C21	06/04	05:30	08/04	17:56	x	
89	Trạm 500kV Cầu Bông	171	05/04	08:37	05/04	15:44	x	
90	Trạm 500kV Tân Định	232	05/04	07:52	05/04	18:52	x	
91	Trạm 500kV Tân Uyên	171	05/04	07:25	05/04	15:56	x	
92	Trạm 500kV Tân Định	173	05/04	07:08	05/04	16:06	x	
93	Trạm 220kV Nhà Bè	C12	03/04	16:14	03/04	21:14	x	
94	Trạm 220kV Trảng Bàng	C12	03/04	10:19	03/04	14:19	x	
95	Trạm 220kV Cần Thơ 2	C12	03/04	07:22	03/04	17:22	x	
96	Trạm 220kV Thốt Nốt	C22	03/04	07:20	03/04	21:20	x	
97	Trạm 500kV Duyên Hải	564	03/04	07:09	03/04	14:09	x	
98	Trạm 220kV Tp Nhơn Trạch	112	02/04	11:23	02/04	14:56	x	
99	Trạm 220kV Rạch Giá	C22	02/04	08:17	02/04	12:55	x	
100	Trạm 500kV Tân Uyên	136	02/04	07:20	02/04	19:51	x	

Đường dây:

II	Đường dây						
1	220kV NMĐ Cà Mau (272, 252) - Ô Môn 2 (273, 253)	25/04	07:51	25/04	15:41	x	
2	220kV Cao Lãnh (273) - Thốt Nốt (277)	20/04	06:00	28/04	17:00	x	
3	271 NMĐ Trị An - 279 Sông Mỹ	12/04	06:11	12/04	16:41	x	
4	500kV Vĩnh Tân (565, 575) - Sông Mỹ (564, 584)	10/04	18:09	11/04	03:00	x	
5	220kV Long Bình (275) - TBA 500kV Long Thành (276)	04/04	22:00	05/04	23:00	x	

6	220kV Củ Chi (276) - Uyên Hưng (276)	22/04	06:20	22/04	16:52	x	
7	220kV Tây Ninh (276) - Tân Biên (273)	22/04	06:15	22/04	17:53	x	
8	220kV Rạch Giá (275) - Kiên Bình (274)	21/04	06:45	21/04	18:25	x	
9	220kV Tây Ninh (275) - Tân Biên (274)	21/04	06:38	21/04	18:38	x	
10	273 Sông Mỹ - 273 Long Bình	18/04	22:00	20/04	21:31	x	
11	566 Vĩnh Tân - 572 Tân Uyên	18/04	18:00	18/04	23:00	x	
12	220kV Cầu Bông (279) - Hóc Môn (276)	18/04	13:30	18/04	18:05	x	
13	220kV Tân Thành (272) - Vũng Tàu (273)	18/04	06:00	18/04	18:00	x	
14	220kV NMĐ Cà Mau (275, 255) - Ô Môn 2 (283, 253)	18/04	05:44	19/04	16:56	x	
15	220kV Trảng Bàng (271)-Củ Chi (273)	14/04	08:17	14/04	14:30	x	
16	220kV NMĐ Đá Bạc (271) - Châu Đức (274)	11/04	18:19	12/04	05:19	x	
17	500kV Vĩnh Tân (574,564) - Sông Mỹ (574, 564)	09/04	18:53	10/04	00:42	x	
18	Trạm 500kV Sông Mỹ	09/04	09:32	09/04	21:05	x	
19	220kV Bến Lức (273) - Long An (273)	09/04	08:12	09/04	16:13	x	
20	220kV Bình Long (271) - Dầu Tiếng (274)	09/04	07:55	09/04	16:35	x	
21	500kV Vĩnh Tân (573,563) - Sông Mỹ (573, 563)	08/04	17:59	09/04	01:20	x	
22	220kV Bình Long (272) - Dầu Tiếng (272)	07/04	07:32	07/04	15:32	x	
23	220kV Thuận An (276) - Hóc Môn (273)	05/04	06:08	05/04	14:51	x	

3. Thống kê các thanh cái trong lưới điện truyền tải có điện áp không đạt tiêu chuẩn theo quy định

STT	Tên TBA	Số lần	Tổng số thời gian	Điện áp cao nhất	Điện áp thấp nhất
Lưới 500kV					
	Miền Bắc				
1	Trạm 500kV Lào Cai	26	26.00	529.0	
2	Trạm 500kV Thanh Hóa	248	248.00	532.2	
3	Trạm 500kV Vĩnh Yên	9	9.00	533.0	
	Miền Nam				
1	Trạm 500kV Chơn Thành	13	13.00	527.5	
2	Trạm 500kV Phú Mỹ	1	1.00	525.8	
Lưới 220kV					
	Miền Bắc				
1	Trạm 500kV Lào Cai	6	6.00	245.5	
2	Trạm 220kV Thái Nguyên	2	2.00	246.6	
3	Trạm 220kV Lào Cai	1	1.00	242.1	
4	Trạm 220kV Yên Bái	1	1.00	244.1	

4. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

TT	Đơn vị	Sản lượng điện năng không cung cấp được kWh)		Lũy kế năm 2026 (kWh)	Tăng, giảm so với tháng trước
		Tháng 04/2026	Tháng 03/2025		
1	EVNNPT	0	12333	12333	0

5. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải từng cấp điện áp

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải tháng 04/2026 theo cấp điện áp và theo từng Công ty Truyền tải điện so với cùng kỳ năm 2025:

Đơn vị		Tháng 4/2025			Tháng 4/2026			So sánh Δ^{26-25}				KH ΔA 2026 (%)	So sánh với KH2026
		A (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	A (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	A (tỷ kWh)	A (%)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)		
TTĐ1	Chung	11,01	0,20	1,86%	12,96	0,24	1,89%	1,95	17,74%	0,040	0,03%	2,17%	-0,28%
	500kV	5,16	0,08	1,46%	6,23	0,10	1,58%	1,07	20,64%	0,023	0,12%	1,79%	-0,21%
	220kV	11,07	0,13	1,17%	12,52	0,15	1,16%	1,45	13,07%	0,017	-0,01%	1,26%	-0,10%
TTĐ2	Chung	2,17	0,05	2,23%	2,67	0,06	2,25%	0,49	22,64%	0,012	0,02%	2,67%	-0,42%
	500kV	1,33	0,03	2,47%	1,78	0,04	2,45%	0,45	33,82%	0,011	-0,02%	2,64%	-0,19%
	220kV	1,18	0,02	1,33%	1,39	-0,02	1,20%	0,21	17,36%	0,001	-0,13%	1,67%	-0,47%
TTĐ3	Chung	5,93	0,11	1,88%	6,19	0,11	1,84%	0,26	4,44%	0,002	-0,04%	1,93%	-0,09%
	500kV	4,50	0,06	1,39%	4,75	0,07	1,39%	0,25	5,50%	0,004	0,00%	1,36%	0,03%
	220kV	3,06	0,05	1,61%	3,03	0,05	1,58%	-0,03	-1,14%	-0,001	-0,03%	1,59%	-0,01%
TTĐ4	Chung	10,19	0,12	1,21%	11,24	0,14	1,23%	1,05	10,31%	0,015	0,02%	1,06%	0,17%
	500kV	6,58	0,04	0,64%	7,15	0,05	0,69%	0,57	8,69%	0,007	0,05%	0,55%	0,14%
	220kV	10,07	0,08	0,81%	11,04	0,09	0,81%	0,97	9,63%	0,008	0,00%	0,71%	0,10%
NPT	Chung	22,14	0,49	2,20%	25,11	0,56	2,22%	2,97	13,44%	0,069	0,02%	2,40%	-0,18%
	500kV	11,46	0,21	1,86%	12,95	0,26	1,99%	1,50	13,05%	0,045	0,13%	1,98%	0,01%
	220kV	24,34	0,28	1,13%	26,98	0,30	1,11%	2,64	10,85%	0,024	-0,02%	1,19%	-0,08%

6. Danh sách các sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành trong tháng

a. Sự cố lưới điện thuộc EVNNPT: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

b. Sự cố do đơn vị ngoài EVNNPT quản lý vận hành: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

V. TÌNH HÌNH KẾT NỐI SCADA

Trong tháng 4/2026 xảy ra 6 lỗi kết nối tín hiệu SCADA, tăng 4 lỗi kết nối so với tháng 03/2026.

- **Miền Bắc:** xảy ra 03 lỗi kết nối SCADA tại 02 trạm 220kV Hải Hà, Quang Châu, lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

- **Miền Trung:** xảy ra 02 lỗi kết nối SCADA tại 01 trạm 500kV Đắk Nông và 01 trạm 220kV Thanh Mỹ, lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

- **Miền Nam:** xảy ra 1 lỗi kết nối SCADA tại 01 trạm 220kV Ô Môn, lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

Đơn vị	Số lượng trạm mất kết nối SCADA	Số lượng trạm mất kết nối đã xử lý	Tăng giảm trạm mất kết nối so với tháng trước
Miền Bắc	3	3	1
Miền Trung	2	2	2
Miền Nam	1	1	1
EVNNPT	6	6	4

Ghi chú: Số liệu thống kê từ trang quản lý sự cố của EVN
<http://quanlysuco.evn.com.vn>